

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

Thời gian: vào lúc 7g30 ngày 06 tháng 4 năm 2022.

Địa điểm: Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa – 502A Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thành phần tham dự: số lượng 37 cổ đông đại diện cho 8.588.249 cổ phần chiếm tỷ lệ 85,62% vốn điều lệ.

Nội dung Đại hội: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Công nghiệp & XNK Cao su.

DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI:

1. Ông Nguyễn Bảo Châu:

- Tuyên bố khai mạc Đại hội đồng cổ đông, giới thiệu đại biểu.
- Bầu Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký, Ban bầu cử và kiểm phiếu: Đại hội biểu quyết nhất trí 100% danh sách Đoàn chủ tịch và Đoàn Thư ký.

• **Đoàn Chủ tịch:**

1. Ông Phan Đình Phúc : Chủ tịch HĐQT Công ty CP CN & XNK Cao su
2. Ông Giang Hoa Vũ : TV HĐQT - TGD Cty CP CN & XNK Cao su
3. Ông Lê Tuấn Linh : TV HĐQT – P. TGD Cty CP CN & XNK Cao su

• **Đoàn Thư ký:**

1. Bà Trần Thị Thanh Huệ : Thư ký HĐQT
2. Ông Võ Trọng Nhân : PGĐ. Công ty Hồng Phúc

2. Ông Nguyễn Bảo Châu: báo cáo thủ tục xác nhận danh sách cổ đông (kèm biên bản).

3. Bà Vũ Đỗ Thùy Linh: thông qua chương trình làm việc và Quy chế Đại hội

Đại hội biểu quyết nhất trí 100%

4. Ông Giang Hoa Vũ: thay mặt Ban điều hành công ty trình bày Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SX-KD năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.



5. Ông Lê Tuấn Linh thay mặt HĐQT báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng năm 2023.

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp: trình bày báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động kiểm soát của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

7. Ông Lê Tuấn Linh: thay mặt HĐQT trình bày tờ trình xin ý kiến về các nội dung biểu quyết trong Đại hội.

- Vấn đề 1: Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Vấn đề 2: Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

- Vấn đề 3: Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của công ty.

- Vấn đề 4: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát.

- Vấn đề 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.

- Vấn đề 6: Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.

- Vấn đề 7: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

- Vấn đề 8: Miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát

- Vấn đề 9: Thông qua việc bổ sung và điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

- Vấn đề 10: Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các Quy chế hoạt động của công ty.

- Vấn đề 11: Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch và Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của Công ty.

- Vấn đề 12: Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét việc xử lý cổ phần cư đãi trả chậm của người lao động.

- Vấn đề 13: Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023.

- Vấn đề 14: Xin ý kiến ủy quyền cho Tổng Giám đốc phối hợp với Chủ tịch Công đoàn quyết định sử dụng các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (nếu có) theo đúng quy định.

8. Đại hội thảo luận

9. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát

Ông Phan Đình Phúc – Chủ tịch Hội đồng quản trị: thông báo về việc Kiểm soát viên là bà Phạm Thị Thu Hương xin từ nhiệm để nghỉ hưu theo chế độ.

Ông Phan Đình Phúc – Chủ tịch Hội đồng quản trị: giới thiệu bà Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo tham gia Ban kiểm soát, ứng cử chức vụ Thành viên Ban kiểm soát công ty

- Sau khi ĐHĐCĐ nhất trí, không có ý kiến khác, ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết thông qua danh sách đề cử thành viên BKS với tỷ lệ đồng ý 100% của cổ đông dự họp.

- Bà Nguyễn Phương Hạnh – Tổ trưởng tổ bầu cử - trình bày thể lệ bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

Đại hội biểu quyết 100% thông qua quy chế bầu cử

- Sau khi ĐHĐCĐ nhất trí, Đại hội tiến hành bầu cử, kết quả được ghi nhận theo biên bản kiểm phiếu đã được Ban kiểm phiếu thông qua tại Đại hội:

Bà Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo: đạt 8.588.249 tổng số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội, chiếm tỉ lệ 100%.

Theo kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025 của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su bổ sung 01 thành viên là Bà Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo

10. Bà Trần Thị Thanh Huệ - thư ký Đại hội: trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

11. Ông Phan Đình Phúc: biểu quyết thông qua các chỉ tiêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023

- *Vấn đề 1:* Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

- + Tổng doanh thu: 465.700.189.644 đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 3.428.433.537 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế: 2.583.555.097 đồng

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 2:* kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

- + Tổng doanh thu: 431.264.000.000 đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 3.500.000.000 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế: 2.840.000.000 đồng
- + Tổng nhu cầu vốn XDCB: 19.950.000.000 đồng

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 3*: Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của công ty

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 4*: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 5*: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022: Do lợi nhuận sau thuế đến thời điểm 31/12/2022 là -5.249.786.843 đồng nên công ty không thực hiện trích lập các quỹ và không chi trả cổ tức năm 2022.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 6*: Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023: giao Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 7*: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023: Giao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty chọn 01 trong các đơn vị sau thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023:

- + Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
- + Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- + Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 8*: Miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025:

+ Miễn nhiệm bà Phạm Thị Thu Hường, lý do: nghỉ hưu theo chế độ.

+ Bầu bổ sung bà Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo, sinh năm 1983, chức vụ hiện tại: chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam là thành viên Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 9*: Thông qua việc bổ sung và điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 10*: Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các quy chế hoạt động của công ty. Đại hội biểu quyết thông qua:

17-C
Y
AN
HIỆP V
P KH
O SU
P HỒ

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
 - + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
 - + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- *Vấn đề 11*: Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của công ty.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
 - + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
 - + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- *Vấn đề 12*: Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục xem xét việc xử lý cổ phần ưu đãi trả chậm của người lao động.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
 - + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
 - + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- *Vấn đề 13*: Xin ý kiến về thu lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

a) Thực hiện chi trả hàng tháng:

- + Tiền lương của Chủ tịch HĐQT công ty chuyên trách: 24.000.000 đồng/ tháng.
- + Tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách: 19.000.000 đồng/ tháng
- + Tiền lương của Người phụ trách quản trị công ty: tương đương mức lương trưởng phòng nghiệp vụ công ty.

b) Thực hiện chi trả hàng quý

- + Mức thù lao của Ủy viên HĐQT không chuyên trách: 1.000.000 đồng/ người/ tháng.
- + Mức thù lao của thành viên BKS không chuyên trách: 1.000.000 đồng/ người/ tháng.

c) Mức thưởng của đại diện phần vốn Tập đoàn sẽ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

d) Đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thư ký Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của công ty con: mức lương, mức thù lao sẽ do Hội đồng quản trị công ty quyết định.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- Vấn đề 14 : Xin ý kiến ủy quyền cho Tổng Giám đốc phối hợp với Chủ tịch Công đoàn quyết định sử dụng các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (nếu có) theo đúng quy định.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.588.249 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

13. Ông Phan Đình Phúc: bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su kết thúc vào lúc 09 giờ 50 phút cùng ngày.

TM. ĐOÀN THƯ KÝ



Trần Thị Thanh Huệ

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Phan Đình Phúc

Nơi nhận:

- HĐQT; Ban Kiểm soát;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

Số: 02 /NQ-ĐHĐCĐRBC

TP.HCM, ngày 06 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XNK CAO SU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su đã được sửa đổi, bổ sung và thống nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/3/2021;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu cao su ngày 06/4/2023.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 465.700.189.644 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.428.433.537 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.583.555.097 đồng

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

2. Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chính:

- Tổng doanh thu : 431.264.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.500.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.840.000.000 đồng
- Tổng nhu cầu vốn XDCB: 19.950.000.000 đồng

Với sự ảnh hưởng của thị trường bất động sản trong nước, xung đột chính trị tại một số khu vực trên thế giới,... đang diễn biến phức tạp, khó lường. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023 (nếu có) phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công ty, các cổ đông và báo cáo lại tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

3. **Thông qua báo cáo tài chính năm 2022** đã kiểm toán của Công ty.
Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý
4. **Thông qua báo cáo hoạt động năm 2022** của Ban Kiểm soát.
Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý
5. **Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022**
Do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm 31/12/2022 là: -5.249.786.843 đồng nên công ty không thực hiện trích lập các quỹ và không chi trả cổ tức năm 2022.
Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý
6. **Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023:**
Thông nhất giao cho Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý
7. **Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023:**
Thông nhất giao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty chọn 01 trong 03 đơn vị sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:
 - Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
 - Công ty TNHH Kiểm toán Hãng kiểm toán AASC.
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý
8. **Thông qua kết quả miễn nhiệm và bầu bổ sung** thành viên Ban kiểm soát công ty, nhiệm kỳ 2020 – 2025:
 - Miễn nhiệm bà Phạm Thị Thu Hương, lý do: nghỉ hưu theo chế độ.
 - Bầu bổ sung bà Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo, sinh năm 1983, chức vụ hiện tại: chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý
9. **Thông qua việc bổ sung và điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty:**
Nội dung bổ sung và điều chỉnh: Điều 44 (đính kèm bản sửa đổi, bổ sung)
Lý do điều chỉnh: thực hiện theo Khoản 17, Điều 2, Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ và công văn số 58/HĐQTCSVN-TCNS ngày 17/2/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc rà soát, bổ sung nội dung trích lập Quỹ Đầu tư và Phát triển vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên Tập đoàn là Công ty cổ phần.
Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

10. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các Quy chế hoạt động của công ty.

Ti lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

11. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch và Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của công ty

Ti lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

12. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục xem xét việc xử lý cổ phần ưu đãi trả chậm của người lao động theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật

Ti lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

13. Thống nhất thông qua mức lương, mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Người phụ trách quản trị Công ty năm 2023

a) Thực hiện chi trả hàng tháng

- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chuyên trách: 24.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí xếp hạng Doanh nghiệp Người quản lý: hạng III PL 02 của Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020).

- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 19.000.000 đồng/ tháng (theo tiêu chí xếp hạng Doanh nghiệp Người quản lý: hạng III PL 02 của Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020).

- Tiền lương của Người phụ trách quản trị công ty: tương đương mức lương của Trưởng phòng nghiệp vụ Công ty.

b) Thực hiện chi trả hàng quý

- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao của thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng.

c) Mức thưởng của Đại diện phần vốn Tập đoàn sẽ tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

d) Đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của Công ty con: mức lương, mức thù lao sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

Ti lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

14. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc phối hợp với Chủ tịch Công đoàn Công ty quyết định sử dụng các Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi (nếu có) theo đúng các quy định của pháp luật, quy chế và thỏa ước lao động tập thể.

Ti lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý



15. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty căn cứ từng thời điểm để xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su năm 2023 quyết tâm phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu của Đại hội đề ra để xây dựng Công ty ngày càng phát triển ổn định và bền vững.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Công nghiệp & XNK Cao su biểu quyết thông qua và có hiệu lực từ ngày 06/4/2023

Nơi nhận :

- Cổ đông công ty;
- HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH


Phan Đình Phúc

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU



RUBICO

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Tháng 4 năm 2023

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

1. Chương trình đại hội
2. Báo cáo của Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý điều hành Công ty năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.
4. Tờ trình về một số vấn đề xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
5. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.
6. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.
7. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
8. Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025.

BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ NĂM 2023

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

Thời gian : Ngày 06/4/2023 (thứ năm)
Địa điểm : Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa
502A Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Stt	Nội dung
1	Chào cờ - Giới thiệu khách mời – Giới thiệu Đoàn chủ tịch
2	Tuyên bố lý do – Khai mạc Đại hội Giới thiệu Đoàn thư ký - Giới thiệu Ban thẩm tra tư cách cổ đông
3	Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông
4	Thông qua Quy chế và Chương trình Đại hội
5	Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023
6	Báo cáo của HĐQT về công tác quản trị Công ty năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
7	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023
8	Trình bày Tờ trình xin ý kiến Đại hội
9	Đại hội thảo luận.
10	Bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát - Giới thiệu nhân sự đề cử - Giới thiệu Tổ bầu cử - Hướng dẫn bầu cử - Bầu cử
11	Giải lao
12	Công bố kết quả bầu cử
13	Lãnh đạo Tập đoàn phát biểu
14	Đáp từ của Lãnh đạo công ty
15	Trình bày Dự thảo Nghị quyết Đại hội
16	Biểu quyết các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội
17	Bế mạc Đại hội



Số: 59 /BC-RBC

TP.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch SX-KD năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SX - KD NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su hiện hoạt động sản xuất kinh doanh trong 04 lĩnh vực: sản xuất xuất khẩu sản phẩm gỗ, sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su, kinh doanh thương mại, cho thuê kho và các dịch vụ hậu cần cho cao su.

Thực hiện kế hoạch năm 2022 đã được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận và Đại hội đồng cổ đông giao, ngay từ đầu năm Công ty đã sớm triển khai thực hiện với mục tiêu hoàn thành kế hoạch năm 2022. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty gặp một số thuận lợi và khó khăn như sau:

* Thuận lợi:

Ngay từ đầu năm cả 02 nhà máy sản xuất gỗ tinh chế và sản phẩm công nghiệp cao su đã có đủ đơn hàng sản xuất đến quý 2 năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh – dịch vụ tương đối thuận lợi nên đạt kết quả khả quan trong 6 tháng đầu năm.

* Khó khăn:

- Về sản xuất: trong năm 2022 nền kinh tế thế giới phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao do ảnh hưởng nặng nề từ các xung đột chính trị và tình hình thiên tai, dịch bệnh tại một số quốc gia dẫn đến tình trạng tăng trưởng kinh tế có xu hướng giảm tại hầu hết các nền kinh tế, lạm phát tăng cao, đặc biệt tại các thị trường Mỹ, châu Âu. Do vậy từ cuối quý 2 thị trường tiêu thụ hàng hóa giảm mạnh, đơn hàng mới không có hoặc có rất ít đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất của đơn vị: sản lượng sản xuất giảm mạnh, đơn vị phải giảm lao động do không có đơn hàng.

- Về công tác thoái vốn: tháng 11 năm 2021 Lãnh đạo Tập đoàn đã có văn bản thỏa thuận chủ trương cho Công ty thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh và Công ty CP Phát triển đô thị & KCN Cao su Việt Nam, dự kiến Công ty sẽ thực hiện trong năm 2022. Tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa thể triển khai việc thoái vốn, lý do:

+ Thoái vốn tại Công ty CP Phát triển đô thị & KCN Cao su Việt Nam: đến nay Công ty vẫn đang chờ hướng dẫn và thông tin về thẩm định giá của Tập đoàn và các đơn vị trong ngành để thực hiện theo đúng chỉ đạo của Tập đoàn trong văn bản thỏa thuận.

+ Thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh: Công ty Phú Thịnh do Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng nắm quyền chi phối và chưa niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán. Vì vậy Công ty gặp khó khăn trong việc tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng số cổ phần tại Công ty Phú Thịnh (số cổ phần: 63.120cp tương đương số tiền 6.312.000.000 đồng, tỉ lệ: 3,2%/vốn điều lệ của Công ty Phú Thịnh).

- Về hoạt động dịch vụ: do các khó khăn chung về kinh tế, các khách hàng hợp tác và khách hàng thuê kho – mặt bằng cũng tạm dừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng nên cũng xin miễn giảm tiền thuê.

- Ngoài ra hoạt động sản xuất kinh doanh còn gặp một số khó khăn như: giá nguyên liệu vật tư tăng, một số chi phí sản xuất kinh doanh tăng do biến động giá xăng dầu, tăng lương tối thiểu vùng,... làm gia tăng giá thành, ảnh hưởng đến hiệu quả của đơn vị.

Trong năm 2022, đặc biệt là 6 tháng cuối năm Công ty đã gặp nhiều khó khăn bất lợi nhưng Ban lãnh đạo công ty và các đơn vị trực thuộc đã nỗ lực đưa ra các biện pháp để phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Tình hình hoạt động của các lĩnh vực SX-KD trong năm 2022 cụ thể như sau:

1. Sản xuất gỗ tinh chế:

Được tổ chức tại Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa. Ngay từ đầu năm, đơn vị đã nỗ lực tìm kiếm thêm một số khách hàng mới để có đơn hàng sản xuất ổn định và duy trì các khách hàng truyền thống.

Tuy nhiên do tình hình suy thoái kinh tế, ngay từ đầu quý 2 tình hình xuất hàng bắt đầu chậm, thành phẩm tồn kho với số lượng lớn từ 30 – 35 cont (do tiêu thụ chậm nên khách hàng điều chỉnh kế hoạch xuất hàng giảm số lượng và giãn thời gian hơn so với đơn hàng ban đầu). Từ tháng 5 các khách hàng xuất đi Mỹ và châu Âu gần như dừng đưa đơn hàng mới hoặc đưa rất ít. Ngoài ra do tình trạng xuất hàng chậm nên đơn vị cũng khó triển khai sản xuất các đơn hàng đang có do lo ngại khối lượng hàng tồn kho lớn sẽ gây rủi ro trong việc bảo quản và các rủi ro khác về tài chính. Vì vậy sản lượng sản xuất trong quý 3 thấp và giảm mạnh trong quý 4 (giảm 60-70% sản lượng sản xuất), trong tháng 9 đã giảm 96 lao động do đơn hàng giảm nhiều.

Dù sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm (so với điều kiện hoạt động bình thường) trong khi một số chi phí sản xuất tăng làm gia tăng giá thành sản xuất, tuy nhiên đơn vị cố gắng tổ chức sắp xếp sản xuất phù hợp điều kiện thực tế, tiết kiệm chi phí để có thể duy trì sản xuất, đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động. Trong năm 2022, đơn vị đã nhận được đơn hàng với tổng trị giá khoảng 10,5 triệu USD, sản lượng sản xuất: 3.433 m³; doanh thu 220 tỉ đồng, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động.

2. Sản xuất công nghiệp cao su:

Được tổ chức tại Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp. Trong năm 2022 đơn vị đã sản xuất 858.964 sản phẩm đạt 61% kế hoạch năm; doanh thu 40,5 tỉ đồng đạt 83% so

với kế hoạch năm. Tuy nhiên sản phẩm của đơn vị với thị trường xuất khẩu chủ yếu là Mỹ, do tình hình tiêu thụ chậm nên từ đầu quý 3 khách hàng đã đưa đơn hàng mới rất ít, vì vậy sản lượng sản xuất giảm mạnh, đặc biệt trong quý 4 không có đơn hàng sản xuất, đồng thời dự báo sẽ không có đơn hàng trong thời gian tới. Trong quý 4 đã giảm toàn bộ lao động trực tiếp sản xuất do không có đơn hàng, do vậy đơn vị cũng sẽ thu hẹp lĩnh vực sản xuất trong năm 2023.

2. Kinh doanh:

- **Kinh doanh mủ cao su:** năm 2022 do tình hình khó khăn, đơn vị khó triển khai kinh doanh mủ cao su do giá cả không ổn định, lại không chủ động được nguồn cung nên rất khó chốt giá mua bán với khách hàng. Do vậy chỉ kinh doanh được 947 tấn, doanh thu đạt 37,7 tỉ đồng.

- **Kinh doanh mặt hàng khác:** ngoài kinh doanh cao su, công ty còn kinh doanh một số mặt hàng khác như: gỗ phôi, hóa chất, thực phẩm đông lạnh, hạt nhựa, nông sản,... tuy nhiên hiệu quả chưa cao do có sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường và ảnh hưởng của suy thoái kinh tế. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính trong năm 2022 như sau:

- Kinh doanh hóa chất : 448 tấn
- Kinh doanh thực phẩm đông lạnh : 172 tấn
- Kinh doanh hạt nhựa : 1.697 tấn
- Nông sản : 729 tấn

- **Hoạt động kinh doanh – dịch vụ khác:** ngoài các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, công ty còn có các hoạt động kinh doanh dịch vụ khác như: cho thuê mặt bằng, dịch vụ hậu cần – cho thuê kho chứa cao su, hoạt động tài chính,... Các hoạt động này tương đối ổn định và có hiệu quả, góp phần đáng kể trong kết quả của toàn Công ty.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 HỢP NHẤT TOÀN CÔNG TY:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% TH/KH	So sánh thực hiện năm 2021 (%)
Sơ chế gỗ phôi cao su	m3	25.000	4.314	17%	85%
Sản xuất gỗ tinh chế	m3	2.700	3.433	127%	91%
Sản xuất sản phẩm cao su	cái	1.400.000	858.964	61%	62%
Tổng doanh thu	tr đồng	491.700	465.700	95%	112%
Tổng chi phí	tr đồng	487.400	462.272	95%	113%
Lợi nhuận trước thuế	tr đồng	4.300	3.428	80%	99%
Đầu tư XDCB	tr đồng	59.035	3.930	7%	176%
Lao động bình quân	người	460	419	91%	97%
Thu nhập bình quân	tr đồng/ng/th	10,744	10,343	96%	98%

*** Nhận xét:**

- Hoạt động sản xuất trong năm 2022 gặp nhiều khó khăn, một số chỉ tiêu về khối lượng sản xuất không đạt kế hoạch năm dẫn đến doanh thu chỉ đạt 95% kế hoạch năm.

- Đơn hàng giảm mạnh nên sản lượng sản xuất ít, lao động bình quân chỉ đạt 87% kế hoạch năm và giảm so với năm 2021. Đơn vị cố gắng duy trì lực lượng lao động phù hợp để duy trì sản xuất, đồng thời ổn định đời sống người lao động.

- Về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: theo kế hoạch năm 2022 đã được Tập đoàn thỏa thuận và Đại hội đồng cổ đông giao, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế của Công ty là 4,3 tỉ đồng, bao gồm:

+ Lợi nhuận từ hoạt động SXKD và hoạt động khác: 3,214 tỉ đồng

+ Lợi nhuận từ hoạt động thoái vốn: 1,086 tỉ đồng

Tuy nhiên việc triển khai thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh và Công ty CP Phát triển đô thị & KCN Cao su Việt Nam gặp khó khăn như đã báo cáo ở phần trên nên Công ty chưa thực hiện được trong năm 2022, do đó không có lợi nhuận từ hoạt động thoái vốn. Dù vậy Công ty đã nỗ lực thực hiện **chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 3,428 tỉ đồng**, hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận về hoạt động sản xuất kinh doanh được giao.

Đạt được kết quả này là do sự nỗ lực của CB-CNV-NLĐ toàn Công ty, sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Ban Lãnh đạo Công ty và sự quan tâm hỗ trợ của Lãnh đạo Tập đoàn trong việc duy trì ổn định sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khó khăn.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SX – KD NĂM 2022 CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, trên cơ sở đặc điểm tình hình và năng lực của từng đơn vị trực thuộc, Hội đồng quản trị Công ty đã thỏa thuận và giao kế hoạch năm 2022 cho các đơn vị. Kết quả hoạt động của từng đơn vị trong năm 2022 như sau:

1. Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa:

Chức năng chính của đơn vị là sản xuất và xuất khẩu sản phẩm gỗ tinh chế các loại. Trong năm 2022 Công ty Đông Hòa đã rất nỗ lực trong việc tìm kiếm thêm khách hàng mới để có đơn hàng sản xuất ổn định và duy trì các khách hàng truyền thống. Tuy nhiên như đã phân tích ở phần trên về các khó khăn trong lĩnh vực sản xuất gỗ tinh chế, đơn hàng giảm mạnh nên sản lượng sản xuất ít, lao động giảm, chi phí tăng,... vì vậy đơn vị đã thực hiện bố trí lao động sản xuất phù hợp, tiết kiệm nguyên liệu vật tư sản xuất,... để giảm giá thành sản xuất, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 được Công ty giao.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính trong năm 2022 như sau:

- Sản lượng sản xuất : 3.433 m³
- Tổng doanh thu : 220,15 tỉ đồng đạt 106% kế hoạch năm
- **Lợi nhuận trước thuế: 2,058 tỉ đồng đạt 103% kế hoạch năm**
- Thu nhập bình quân : 10,481 triệu đồng/ng/th đạt 92% kế hoạch năm

2. Công ty TNHH Thương Mại & Địa ốc Hồng Phúc:

Trong năm 2022 Công ty Hồng Phúc cũng gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, do vậy các chỉ tiêu về số lượng và doanh thu chưa đạt kế hoạch. Tuy nhiên đơn vị đã cố gắng tiết kiệm chi phí để hoàn thành kế hoạch năm 2022 về chỉ tiêu lợi nhuận.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính trong năm 2022 như sau:

- Kinh doanh cao su : 201,6 tấn đạt 101% kế hoạch năm
- Kinh doanh hạt nhựa : 1.697 tấn đạt 94% kế hoạch năm
- Kinh doanh thực phẩm đông lạnh : 172 tấn đạt 43% kế hoạch năm
- Tổng doanh thu : 85,236 tỉ đồng đạt 90% kế hoạch năm
- **Lợi nhuận trước thuế : 1,21 tỉ đồng đạt 101% kế hoạch năm**
- Lao động bình quân : 6 người đạt 79% kế hoạch năm
- Thu nhập bình quân : 14,632 triệu đồng/ng/th đạt 105% kế hoạch năm

3. Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp:

Chức năng chính của Xí nghiệp là sản xuất các sản phẩm công nghiệp cao su, kinh doanh cao su - hóa chất, hợp tác sản xuất, cho thuê kho,... . Tuy nhiên từ đầu quý 3 đơn hàng mới rất ít, sản lượng sản xuất giảm mạnh, đặc biệt trong quý 4 không có đơn hàng, nên đã giảm toàn bộ lao động trực tiếp sản xuất, và sẽ thu hẹp lĩnh vực sản xuất trong năm 2023.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính trong năm 2022 như sau:

- Sản lượng sản xuất : 858.964 sản phẩm đạt 61% kế hoạch năm
- Kinh doanh hóa chất : 448 tấn đạt 112% kế hoạch năm
- Tổng doanh thu : 40,535 tỉ đồng đạt 107% kế hoạch năm
- **Lợi nhuận trước thuế : 182 triệu đồng đạt 107% kế hoạch năm**
- Lao động bình quân : 80 người đạt 97% kế hoạch năm
- Thu nhập bình quân : 8,243 triệu đồng/ng/th đạt 103% kế hoạch năm

4. Xí nghiệp Kho vận:

Lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị là: cho thuê mặt bằng, cho thuê kho, dịch vụ kho vận, kinh doanh gỗ phôi,... Đây cũng là đơn vị có nhiều lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh trong công ty, luôn năng động trong việc tìm kiếm khách hàng để phát triển mặt hàng kinh doanh và các dịch vụ kèm theo. Dù gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng đơn vị đã cố gắng hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2022 về chỉ tiêu lợi nhuận, đóng góp vào kết quả chung của toàn Công ty.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính trong năm 2022 như sau:

- Tổng doanh thu : 15,678 tỉ đồng đạt 104% kế hoạch năm
- **Lợi nhuận trước thuế: 1,571 tỉ đồng đạt 131% kế hoạch năm**
- Lao động bình quân : 10 người đạt 100% kế hoạch năm
- Thu nhập bình quân : 14,586 triệu đồng/ng/th đạt 111% kế hoạch năm

5. Văn phòng Công ty:

Văn phòng Công ty ngoài chức năng là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, còn tổ chức các hoạt động kinh doanh dịch vụ để tạo thêm nguồn thu bù đắp một phần các khoản chi phí của Văn phòng công ty và toàn công ty.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính trong năm 2022 như sau:

- Kinh doanh cao su : 746 tấn
- Kinh doanh nông sản : 729 tấn
- Sơ chế gỗ phôi cao su : 4.314 m³
- Doanh thu : 104,1 tỉ đồng ✓

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHÁC:

1. Công tác tài chính:

Công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính – tài sản hoạt động theo đúng quy chế tài chính và điều lệ của Công ty, đồng thời tuân thủ các quy định của luật kế toán và pháp luật Nhà nước. Vận dụng chế độ chứng từ kế toán, luân chuyển chứng từ theo quy định.

Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo với Tập đoàn và các cơ quan ban ngành theo đúng quy định.

* Công tác thu hồi công nợ:

Tổng hợp công nợ phải thu khó đòi đến ngày 31/12/2022: **25.042.765.951 đồng**, gồm các công nợ chủ yếu sau:

- Công ty CP Chế biến & XNK Thủy sản Đồng Tháp : 8.956.471.270 đồng
- Công ty CP SX-XNK Lâm sản & hàng thủ công nghiệp: 3.870.681.600 đồng
- Công ty TNHH SX-TM-DV Hữu Nghị : 7.843.792.484 đồng
- Cơ sở Huệ Toàn (Bà Lê Thị Huệ) : 437.851.910 đồng
- Công ty CP Đầu tư quốc tế Đại Sơn : 300.000.000 đồng
- Công ty TNHH Quốc tế Trường Thành : 520.800.000 đồng
- Công ty CP Ngọc Hà : 150.000.000 đồng
- Công ty Habufa Meubelen B.V : 561.060.414 đồng
- Công ty A.T.O.M Food (Thailand) Co., Ltd : 1.220.738.273 đồng
- Công ty TNHH Hưng Nhơn : 1.181.370.000 đồng

Công ty đã thực hiện trích dự phòng công nợ quá hạn khó đòi theo đúng quy định. Trong đó công nợ của Công ty Habufa phát sinh tại Công ty Đông Hoà và công nợ của Công ty A.T.O.M phát sinh tại Công ty Hồng Phúc từ năm 2017, cả 2 đơn vị cũng đã trích dự phòng công nợ quá hạn khó đòi theo quy định.

Công ty đã tiến hành thủ tục khởi kiện các đơn vị này và đang trong quá trình chờ Tòa án thụ lý và xét xử.

2. Công tác đầu tư ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng số tiền đầu tư ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là: **11.908.100.000 đồng**, bao gồm:

- Công ty CP Thương mại DV và Du lịch cao su : 2.596.100.000 đồng
- Công ty CP Đầu tư xây dựng và XNK Cao su : 1.500.000.000 đồng
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh : 6.312.000.000 đồng
- Công ty CP Phát triển đô thị & KCN Cao su Việt Nam: 1.500.000.000 đồng

Căn cứ báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán tại các đơn vị trên, Công ty đã thực hiện trích dự phòng theo quy định đối với các đơn vị có kết quả lỗ lũy kế, cụ thể như sau:

- Trích dự phòng đầu tư tại Công ty CP Thương mại & Dịch vụ Du lịch Cao su: 2.450.868.536 đồng.
- Trích dự phòng đầu tư tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng & XNK Cao su: 1.116.653.096 đồng.

Công ty đã có kế hoạch thoái vốn tại các đơn vị đầu tư ngoài ngành, nên đã làm văn bản trình Lãnh đạo Tập đoàn phê duyệt việc thoái vốn để sớm thu hồi vốn tập trung cho sản xuất kinh doanh.

Tháng 11 năm 2021 Lãnh đạo Tập đoàn đã có văn bản thỏa thuận chủ trương cho Công ty thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh và Công ty CP Phát triển đô thị & KCN Cao su Việt Nam, dự kiến Công ty sẽ triển khai thực hiện trong năm 2022. Tuy nhiên đến nay Công ty vẫn đang chờ hướng dẫn và thông tin về thẩm định giá của Tập đoàn và các đơn vị trong ngành để thực hiện theo đúng chỉ đạo của Tập đoàn trong văn bản thỏa thuận, do vậy không thực hiện được trong năm 2022.

3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2022 đã được Tập đoàn thỏa thuận là: 59,035 tỉ đồng (trong đó dự kiến chi phí đầu tư mới Xí nghiệp Tam Hiệp để chuẩn bị di dời là 49 tỉ đồng). Tuy nhiên trong năm 2022 do có nhiều khó khăn, Công ty chỉ thực hiện các hạng mục cấp thiết phục vụ nhu cầu SXKD của đơn vị với tổng vốn đầu tư là **3,930 tỉ đồng đạt 7% kế hoạch năm**.

Các công trình đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Luật đấu thầu, tiến độ thực hiện đạt yêu cầu, chất lượng và khối lượng công việc tuân thủ đúng thiết kế dự toán và tiên lượng ban đầu.

4. Tình hình thực hiện các dự án:

* Khu dân cư Trảng Bom – Đồng Nai:

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc bàn giao toàn bộ dự án cho Công ty TNHH MTV Địa ốc Cao su Đồng Nai. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa bàn giao dự án được do Công ty TNHH MTV Địa ốc Cao su Đồng Nai đã có văn bản không tiếp nhận dự án. Lý do: dự án không phù hợp với quy hoạch mới của tỉnh Đồng Nai và hồ sơ dự án không phù hợp theo quy trình và quy định mới. Công ty đã

làm văn bản báo cáo Hội đồng quản trị đề xin ý kiến của Lãnh đạo Tập đoàn về việc chấm dứt dự án.

*** Khu Bình Điền - Quận 8:**

Công ty đã nhận được Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND Quận 8 về việc duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi toàn bộ nhà xưởng tại khu đất số 79 Bến Lức Phường 7 Quận 8 TP.HCM. Theo đó tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là **5.000.000.000 đồng (năm tỉ đồng)** và sẽ được làm thủ tục thanh toán ngay mà không yêu cầu bất cứ hồ sơ nào. Công ty đã làm văn bản báo cáo Hội đồng quản trị, báo cáo lãnh đạo Tập đoàn. Ngày 19/02/2019 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã có văn bản số: 452/CSVN-KHĐT gửi UBND TP.HCM, UBND Quận 8 và một số cơ quan chức năng về việc không đồng ý mức bồi thường trên.

Ngày 08/3/2019 UBND Quận 8 đã có văn bản số: 661/UBND-BBT gửi Tập đoàn Công nghiệp Cao su để phúc đáp về các cơ sở pháp lý trong việc tính toán và xác định số tiền bồi thường của khu đất Bình Điền. Tuy nhiên đến nay UBND Quận 8 vẫn chưa triển khai việc bồi thường nên Công ty vẫn chưa bàn giao khu đất. Dù vậy Lãnh đạo Công ty vẫn phân công Phòng TC-HC định kỳ hàng tháng cử người đến kiểm tra hiện trạng khu đất và báo cáo Lãnh đạo Công ty.

5. Công tác tổ chức - cán bộ:

*** Công tác tổ chức:**

Công ty hiện có 03 phòng nghiệp vụ và 05 đơn vị, trong đó có 02 Công ty TNHH MTV, gồm: Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa và Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa Ốc Hồng Phúc; 03 Xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp, Xí nghiệp Kho vận và Xí nghiệp Tam Phước. Xí nghiệp Tam Phước hiện không hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ cho thuê mặt bằng nhà xưởng và máy móc thiết bị, do văn phòng Công ty mẹ quản lý.

Công ty đã triển khai rà soát, xây dựng lại hệ thống văn bản nội bộ cho phù hợp quy định pháp luật, của Tập đoàn và tình hình thực tế của Công ty.

Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hàng năm; thực hiện xây dựng quy hoạch giai đoạn 2026-2031 trình Tập đoàn; thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, các chức danh Tập đoàn quản lý; các chức danh do Công ty quản lý; thực hiện chuyển xếp lương, nâng bậc lương cho cán bộ quản lý và người lao động theo đúng quy định của Tập đoàn.

*** Công tác cán bộ:**

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức danh thuộc Tập đoàn quản lý: chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Lê Tuấn Linh.

- Bổ nhiệm và tái bổ nhiệm các chức danh do Công ty quản lý:

+ Văn phòng Công ty: bổ nhiệm mới chức danh Trưởng Phòng TC-HC.

+ Đơn vị thuộc Công ty: bổ nhiệm và thỏa thuận bổ nhiệm lại các chức danh quản lý tại các đơn vị.

*** Công tác quy hoạch cán bộ:**

- Thực hiện rà soát bổ sung quy hoạch giai đoạn 2021-2026 và xây dựng quy hoạch giai đoạn 2026-2031 Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su đã trình Tập đoàn ngày 30/9/2022.

- Công ty đã hướng dẫn 02 đơn vị thành viên (Công ty Đông Hòa và Công ty Hồng Phúc) thực hiện rà soát bổ sung quy hoạch giai đoạn 2021-2026 và xây dựng quy hoạch giai đoạn 2026-2031. Đơn vị đang thực hiện và sẽ trình Tập đoàn trong tháng 12 năm 2022.

6. Công tác Lao động – Tiền lương:

- Lao động bình quân : 419 người, trong đó:

- Người quản lý : 07 người
- Lao động trực tiếp sản xuất : 330 người
- Lao động gián tiếp : 82 người
- Lao động nữ : 127 người
- Lao động là người dân tộc thiểu số : 40 người

- Thu nhập bình quân : 10.343.000 đồng/người/tháng

Hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch lao động, kế hoạch tiền lương theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Văn phòng Công ty và các đơn vị thành viên đều xây dựng phương án trả lương; xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương và thực hiện chi trả tiền lương đầy đủ, kịp thời và công khai.

*** Chế độ chính sách:**

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của nhà nước (khám sức khỏe định kỳ, trang cấp bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, ...).

- Thực hiện đầy đủ chế độ trang bị bảo hộ cá nhân, bồi dưỡng độc hại, các biện pháp về an toàn phòng chống cháy nổ.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

- Tổ chức ăn giữa ca cho người lao động.

7. Công tác thanh tra, bảo vệ, quân sự:

Thực hiện đầy đủ các báo cáo theo hướng dẫn của Ban chỉ huy Quân sự Quận 3, Quận 7 và của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Các đơn vị thành viên đã chủ động phối hợp cùng chính quyền địa phương duy trì lực lượng dân quân tự vệ tại đơn vị, tham gia tập huấn công tác dân quân tự vệ theo kế hoạch của địa phương.

Đảm bảo công tác giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đề cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ tài sản của đơn vị.

Năm 2022 không có đơn thư khiếu nại tố cáo gửi về Công ty.

8. Công tác thi đua, khen thưởng:

Phối hợp với Công đoàn tổng kết phong trào thi đua khen thưởng cả năm; thi đua nước rút 03 tháng cuối năm 2022. Chấm điểm mức độ hoàn thành công việc và bình xét đề nghị khen tặng các tập thể, cá nhân gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua năm 2022.

9. Công tác đoàn thể - phong trào:

- Công đoàn phối hợp với chuyên môn tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2022.

- Tổ chức thăm hỏi người lao động ốm đau, tai nạn, thăm viếng tử thân phụ mẫu của người lao động, tặng quà sinh nhật cho người lao động với tổng số tiền: 92 triệu đồng.

- Tặng quà Tết cho người lao động với tổng số tiền: 197 triệu đồng.

- Tặng quà cho lao động nữ nhân dịp 8/3, 20/10 với tổng số tiền: 77 triệu đồng.

- Tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân ngày 1/6 và Tết trung thu, khen thưởng con CB-CNV là học sinh – sinh viên giỏi năm 2022 với tổng số tiền: 76 triệu đồng.

- Tổ chức các hoạt động nhân tháng công nhân, tháng ATVSLĐ: tặng quà 02 công nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn số tiền 4 triệu đồng; thăm công nhân ảnh hưởng nặng của dịch bệnh Covid số tiền 3 triệu đồng. Tổ chức khen thưởng 45 công nhân thực hiện tốt trong công tác ATVSLĐ số tiền 18 triệu đồng.

- Tổ chức Hội thao cấp Công ty và tham gia Hội thao Tập đoàn khu vực IV đạt: 02 giải nhất, 02 giải nhì, 01 giải ba và đạt giải nhì toàn đoàn.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng chống dịch và tuyên truyền cho người lao động thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn của cơ quan chức năng về việc phòng, chống dịch Covid-19, không để dịch bệnh lây lan ảnh hưởng đến sản xuất.

- Thực hiện tốt các công tác PCCC, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự,... theo đúng các quy định hiện hành.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2023 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023:

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 của các đơn vị và toàn Công ty, trên cơ sở các nguồn lực hiện có, đồng thời dự báo tình hình thị trường cũng như khả năng thực hiện trong năm 2023, Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su xây dựng kế hoạch năm 2023 với các chỉ tiêu chính sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023
I	SẢN LƯỢNG SX – KD		
1	Gỗ tinh chế	m ³	2.700
2	Sơ chế gỗ phôi cao su	m ³	18.000
3	Gỗ ghép tấm	m ³	400
II	TỔNG DOANH THU	tr đồng	431.264
III	TỔNG CHI PHÍ	tr đồng	427.764
IV	LỢI NHUẬN (trước thuế)	tr đồng	3.500
V	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ XDCB	tr đồng	19.950
	Xây lắp	tr đồng	1.430
	Thiết bị	tr đồng	18.520
VI	LAO ĐỘNG – TIỀN LƯƠNG		
	Tổng quỹ lương	tr đồng	45.735
	Lao động bình quân	người	362
	Thu nhập bình quân	trđồng/ng/th	10,528

*** Thuyết minh một số chỉ tiêu trong kế hoạch 2023:**

- Chỉ tiêu khối lượng:

+ *Gỗ tinh chế*: kế hoạch khối lượng năm 2023 là 2.700 m³ giảm so với thực hiện năm 2022 (3.433 m³).

Lý do: tình hình suy thoái kinh tế tại các nước dẫn đến tiêu thụ hàng hóa chậm, đơn hàng mới rất ít, dự báo tình trạng thiếu đơn hàng sẽ kéo dài đến giữa năm 2023, sớm nhất là quý 3 mới có khả năng hồi phục. Do vậy Công ty xây dựng kế hoạch khối lượng sản xuất trên cơ sở: sản lượng 6 tháng đầu năm vẫn rất thấp, dự kiến sản lượng 6 tháng cuối năm có thể phục hồi, tổng sản lượng cả năm 2023 là 2.700 m³.

+ *Sản phẩm công nghiệp cao su*: trong quý 4 năm 2022 không có đơn hàng sản xuất, dự báo trong thời gian tới cũng không có đơn hàng nên Công ty đã thu hẹp sản xuất, giảm lao động để giảm thiểu chi phí phát sinh, vì vậy Công ty không xây dựng kế hoạch sản xuất đối với sản phẩm công nghiệp cao su trong năm 2023.

- Công tác thoái vốn:

Năm 2022 công tác thoái vốn chưa thực hiện được do còn nhiều vướng mắc (Công ty đã báo cáo Lãnh đạo Tập đoàn), do vậy Công ty không xây dựng kế hoạch thoái vốn trong kế hoạch năm 2023. Tuy nhiên khi Tập đoàn có hướng dẫn cụ thể thì Công ty sẽ triển khai thực hiện theo hướng dẫn.

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023:

- Đẩy mạnh tìm kiếm thêm khách hàng xuất khẩu tiềm năng và ổn định, đồng thời phát triển thị trường nội địa đối với sản phẩm gỗ.
- Tăng cường các hoạt động kinh doanh, mở rộng thêm mặt hàng kinh doanh khác, ... tạo các điều kiện thuận lợi để đạt hiệu quả tốt nhất.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực cho thuê kho và các dịch vụ hậu cần cao su.
- Đầu tư một số máy móc thiết bị chuyên dùng trong sản xuất đồ gỗ nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Triển khai việc củng cố bộ máy quản lý sản xuất, Hệ thống quản lý chất lượng, sắp xếp mặt bằng sản xuất phù hợp.
- Thực hiện các biện pháp chặt chẽ để kiểm soát chất lượng sản phẩm nhằm giảm thiểu các chi phí phát sinh đồng thời nâng cao uy tín của đơn vị.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại công ty và các đơn vị.
- Áp dụng các biện pháp thiết thực, có hiệu quả trong việc tiết giảm các chi phí sản xuất, chi phí quản lý, ... để nâng cao hiệu quả.
- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống dịch Covid-19.
- Duy trì môi trường làm việc tại các xưởng sản xuất theo tiêu chí “xanh – sạch – đẹp”; tạo việc làm ổn định, đảm bảo thu nhập và chăm lo đời sống vật chất – tinh thần của người lao động nhằm ổn định lực lượng lao động gắn bó lâu dài với đơn vị. *nh*

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Hội đồng quản trị Cty;
- Ban TGD, BKS;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Giám đốc các ĐVTT;
- Lưu: VT, P.KH-KT



Giang Hoa Vũ

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NĂM 2022
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023**

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty về nhiệm vụ của HĐQT với vai trò quản trị, định hướng và giám sát Công ty, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo về công tác quản lý điều hành năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 tại Đại hội đồng Cổ đông như sau:

**PHẦN I
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022**

I. Đặc điểm tình hình

Nền kinh tế thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng gặp nhiều khó khăn do tình hình xung đột chính trị trên thế giới dẫn đến tình trạng tăng trưởng kinh tế có xu hướng giảm, lạm phát gia tăng. Do đó, thị trường tiêu thụ hàng hóa giảm mạnh, thiếu hụt đơn hàng hoặc thậm chí không có đơn hàng đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất của đơn vị: sản lượng sản xuất giảm mạnh, đơn vị phải thu hẹp sản xuất, giảm lao động vì không có đơn hàng.

Đối với lĩnh vực sản xuất gỗ: do tình hình suy thoái kinh tế, từ quý 2 tình hình xuất hàng bắt đầu chậm, thành phẩm tồn kho số lượng lớn, đơn hàng mới không có hoặc rất ít. Ngoài ra, do tình hình xuất hàng chậm nên đơn vị cũng chỉ triển khai sản xuất cầm chừng do lo ngại số lượng hàng tồn kho lớn sẽ rủi ro trong việc bảo quản. Dù số lượng sản xuất và tiêu thụ đều giảm, trong khi chi phí sản xuất tăng, nhưng đơn vị vẫn cố gắng tổ chức sắp xếp sản xuất phù hợp điều kiện thực tế, tiết kiệm chi phí, kết quả sản xuất năm 2022 như sau: tổng giá trị đơn hàng khoảng 10,5 triệu USD, sản lượng sản xuất là 3.433 m³, doanh thu: 220 tỉ đồng, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động.

Đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp: thị trường xuất khẩu chủ yếu là ở Mỹ, do tình hình tiêu thụ chậm, đơn hàng ít hoặc không có đơn hàng nên trong quý 4, đơn vị đã giảm toàn bộ lao động trực tiếp.... Kết quả năm 2022 như sau, sản lượng: 858.964 sản phẩm, đạt 61% kế hoạch; doanh thu 40,5 tỉ đồng đạt 83% so với kế hoạch năm.

Lĩnh vực kinh doanh: giá cao su không ổn định, tình hình kinh doanh cao su vẫn không khả quan. Ngoài cao su, đơn vị còn triển khai kinh doanh các mặt hàng khác như gỗ phôi, hóa chất, thực phẩm đông lạnh, hạt nhựa,...nhưng hiệu quả chưa cao.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 được phản ánh đầy đủ tại số liệu báo cáo của Tổng Giám đốc trình bày tại Đại hội.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

1. Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2022 do ĐHĐCĐ giao:

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán ngày 16/02/2023, kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2022: **465.700.189.644** đồng, đạt **95%** kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế: **3.428.433.537** đồng, đạt **80%** kế hoạch năm.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong năm 2022, chỉ tiêu lợi nhuận chỉ đạt 80% so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao. Nguyên nhân: công ty chưa thực hiện được công tác thoái hóa vốn như đã trình bày cụ thể trong báo cáo của Tổng Giám đốc. Tuy nhiên, công ty đã **hoàn thành kế hoạch năm 2022 về chỉ tiêu lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh.**

Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) năm 2022: **3,930 tỉ đồng**, đạt **7%** kế hoạch năm.

2. Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ về việc giao cho Ban điều hành Công ty chọn đơn vị kiểm toán năm 2022, công ty đã quyết định chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

3. Thực hiện uỷ quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã xem xét, phê duyệt quỹ tiền lương năm 2022.

II. Các hoạt động khác của Hội đồng quản trị năm 2022

1. Đánh giá hoạt động quản lý điều hành năm 2022

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức **04** phiên họp thường kỳ và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản khi có vấn đề phát sinh, từ đó ban hành **21** Nghị quyết để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia Trưởng Ban kiểm soát, mời mở rộng đến Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ của Công ty và Giám đốc các đơn vị thành viên để nắm chính xác và kịp thời về tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị. Trong các cuộc họp, HĐQT công ty tiến hành thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD, kiểm tra tiến độ thực hiện do Tổng Giám đốc điều hành trình bày; bàn các giải pháp xử lý các tình huống phát sinh do Tổng Giám đốc đề xuất, kiến nghị và đề ra nhiệm vụ chủ yếu cho quý tiếp theo. Hoạt động giám sát tập trung chủ yếu ở các nội dung: tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, công tác tài chính, công tác thu hồi công nợ và công tác cán bộ,....

Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông và của toàn Công ty.

Các cuộc họp giao ban Tổng Giám đốc, giao ban sản xuất đều có sự tham gia của Hội đồng quản trị để nắm bắt và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền quyết định của Ban điều hành.

Kết hợp với Ban kiểm soát, tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

2. Công tác giám sát

2.1. Giám sát đối với Ban điều hành

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị đã phân giao chi tiết mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các đơn vị thành viên; giám sát việc tổ chức thực hiện của Ban Tổng Giám đốc công ty mẹ và các công ty con, đơn vị thành viên trong hệ thống thông qua người đại diện phần vốn.

Trên cơ sở Nghị quyết của HĐQT, Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện theo đúng phân cấp thẩm quyền. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết đều báo cáo xin ý kiến HĐQT xem xét để cho chủ trương thực hiện. Trong năm 2022, Ban điều hành công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung trong các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hầu hết các vấn đề đã thực hiện xong, đạt kết quả tốt.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ đều được thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của Tập đoàn. HĐQT thường xuyên theo dõi, đánh giá và cân nhắc khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trên cơ sở hiệu quả công việc được giao.

2.2. Công tác phối hợp

Việc phối hợp giữa các thành viên HĐQT và Ban điều hành được thực hiện chặt chẽ, đạt hiệu quả cao trong công tác chỉ đạo và thực hiện Nghị quyết HĐQT.

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ và tổ chức triển khai, thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

HQĐT luôn chủ động phối hợp với tổ chức Đảng, tổ chức Đoàn thể trong công ty trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Đặc biệt là trong công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Tất cả các chủ trương của HĐQT đều được sự đồng thuận trong các tổ chức Đảng, Đoàn thể nên việc thực hiện đều thuận lợi.

HQĐT cũng luôn chủ động phối hợp với Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Các phiên họp HĐQT đều có sự tham gia của Ban kiểm soát để nắm bắt thông tin và đóng góp ý kiến cho hoạt động của HĐQT.

Đối với Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN, HĐQT luôn tranh thủ sự giúp đỡ của lãnh đạo cũng như các Ban chức năng của Tập đoàn, HĐQT thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động cụ thể tại đơn vị và chủ động đề xuất với Tập đoàn những giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

III. Đánh giá chung

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong công ty và sự phát triển của đơn vị, đặc biệt trong năm 2022 là năm chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế thế giới, có thể đánh giá rằng HĐQT đã cố gắng để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong việc giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, công ty đạt chỉ tiêu lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã được giao.

PHẦN II PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 do Đại hội đồng cổ đông giao, các chỉ tiêu chính như sau

- Tổng doanh thu: **431.264.000.000 đồng.**
- Lợi nhuận trước thuế: **3.500.000.000 đồng**

2. Tiếp tục tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả, đúng quy định của nhà nước.

3. Thường xuyên giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, giám sát việc điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc; Phát huy hơn nữa tính tích cực của bộ máy điều hành, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của từng cá nhân.

4. Tăng cường các hoạt động kinh doanh, mở rộng mặt hàng kinh doanh, tìm kiếm khách hàng tiềm năng mới, đồng thời duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng cũ, phát triển thị trường nội địa đối với sản phẩm gỗ.

5. Tiếp tục giải quyết những tồn tại về đất đai, nhà xưởng; kiên quyết giải quyết dứt điểm những khoản nợ khó đòi.

6. Tiếp tục thực hiện thoái vốn tại các đơn vị đầu tư không hiệu quả.

7. Tiếp tục thực hiện thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí; Tận dụng khai thác tối đa cơ sở vật chất, hạ tầng hiện có để tăng cường nguồn thu cho công ty.

8. Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi hoạt động của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban điều hành công ty phấn đấu đưa công ty phát triển xứng đáng với mong muốn với Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trên đây là báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, rất mong quý cổ đông đóng góp để HĐQT thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình. *Phu*

**TẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU
CAO SU**

QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

Phan Đình Phúc

Số: 15 /Tr- HĐQT/BC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Một số vấn đề xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su đã được sửa đổi, bổ sung và thống nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 20/3/2021,

Nay Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua một số vấn đề sau:

1- Thống nhất báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

Các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 465.700.189.644 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.428.433.537 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.583.555.097 đồng

2- Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 431.264.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.500.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.840.000.000 đồng
- Tổng nhu cầu vốn XDCB: 19.950.000.000 đồng

Với sự ảnh hưởng của thị trường bất động sản trong nước, xung đột tại một số khu vực trên thế giới đang diễn biến phức tạp, khó lường. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023 (nếu có) phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo hiệu quả cao nhất cho Công ty, các cổ đông và báo cáo lại tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

3- Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Công ty.

4- Thông qua báo cáo hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát.

5- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

Do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm 31/12/2022 là: -5.249.786.843 đồng nên Công ty không thực hiện trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2022.

6- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023:

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

7- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát công ty chọn 01 trong 03 đơn vị sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

- Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

8- Miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- Miễn nhiệm bà Phạm Thị Thu Hương, lý do: nghỉ hưu theo chế độ
- Bầu bổ sung bà Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo, sinh năm 1983, chức vụ hiện tại: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

9- Thông qua việc bổ sung và điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Nội dung bổ sung và điều chỉnh: **Điều 44** (đính kèm bản dự thảo sửa đổi, bổ sung)

Lý do điều chỉnh: thực hiện theo Khoản 17, Điều 2 Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ và công văn số: 58/HĐQTCSVN-TCNS ngày 17/02/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc rà soát, bổ sung nội dung trích lập Quỹ Đầu tư Phát triển vào Điều lệ Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên Tập đoàn là Công ty cổ phần.

10- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các Quy chế hoạt động của Công ty.

11- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch và Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của Công ty.

12- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục xem xét việc xử lý cổ phần ưu đãi trả chậm của người lao động theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

13- Thống nhất mức lương, mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị Công ty năm 2023:

a. Thực hiện chi trả hàng tháng:

- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chuyên trách: 24.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí xếp hạng Doanh nghiệp Người Quản lý: hạng III Phụ lục 02 của Quyết định số :107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/03/2020).

- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 19.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí xếp hạng Doanh nghiệp Người Quản lý: hạng III Phụ lục 02 của Quyết định số: 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/03/2020).

- Tiền lương của Người phụ trách quản trị Công ty: tương đương tiền lương của Trưởng phòng nghiệp vụ Công ty.

b. Thực hiện chi trả hàng quý:

- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao của thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng.

c. Mức thưởng của đại diện phần vốn Tập đoàn sẽ tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

d. Đối với chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên hội đồng thành viên, thư ký Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của Công ty thành viên làm việc kiêm nhiệm: mức chi trả tiền lương, thù lao sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

14- Ủy quyền cho Tổng giám đốc phối hợp với Chủ tịch Công đoàn Công ty quyết định việc sử dụng các Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi (nếu có) theo đúng các quy định của pháp luật, quy chế và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các vấn đề trên.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu: VT, P.KH-KT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phan Đình Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU**

Căn cứ công văn số 58/HĐQTCSVN-TCNS ngày 17/02/2023 của Tập đoàn Công nghiệp và XNK Cao su về việc rà soát, bổ sung nội dung trích lập Quỹ đầu tư phát triển vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty;

Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su, cụ thể như sau:

Điều 44. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

1. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.

2. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

3. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của Pháp luật.

5. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

7. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

8. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

9. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

10. HĐQT có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

11. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

12. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

13. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

14. Công ty trích lập các quỹ theo quy định của Pháp luật. Hằng năm, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:

a) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; trong đó, trích tối đa 30% vào Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp;

b) Trả cổ tức cho cổ đông;

c) Các quỹ dự trữ khác theo quy định của Pháp luật.

15. Tỷ lệ trích các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ
ỨNG CỬ VÀO BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU
NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Số CMND	Quốc tịch	Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ			Chức vụ		
							Văn hóa	Chuyên môn	Chính trị	Đảng	Chính quyền	Đoàn thể
01	Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo	15/10/1983	075183003526	Việt Nam	Quảng Nam	201/46/2B Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh	12/12	Thạc sĩ QTKD		Đảng viên	CV Ban Tài chính kế toán-Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phan Đình Phúc

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**

Số: 03/BC-RBC-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Căn cứ Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp lý hiện hành;
Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 02/NQ-ĐHĐCĐRBC ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Công ty cổ phần Công nghiệp và XNK cao su;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định và xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su nhiệm kỳ 2020-2025 được bầu chọn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 có 3 thành viên, trong đó: Trưởng ban kiểm soát hoạt động chuyên trách và 2 thành viên hoạt động kiêm nhiệm (không chuyên trách): 1 thành viên của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam, 1 thành viên của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty cao su Đồng Nai.

Trong năm 2022, 01 thành viên Ban kiểm soát nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/7/2022 (*Quyết định của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam số:283/QĐ-HĐQTCSVN ngày 31/8/2022*). Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam đã cử nhân sự tham gia Ban kiểm soát Công ty CP công nghiệp&XNK Cao su (*Quyết định của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam số: 430/QĐ-HĐQTCSVN ngày 13/12/2022*). Thủ tục thay thế nhân sự của BKS được thực hiện tại ĐHĐCĐ năm 2023 của Công ty CP công nghiệp&XNK.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy định của pháp luật hiện hành như sau:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty và tham gia đóng góp ý kiến kịp thời đối với các vấn đề liên quan.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022; Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

- Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ điều lệ Công ty, Nghị Quyết ĐHĐCĐ, đánh giá việc chấp hành các quy định của Nhà nước, của Công ty. Công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đánh giá chung

Năm 2022 Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định về quản trị Công ty đối với công ty đại chúng, Điều lệ hoạt động của Công ty.

Các thành viên Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thực hiện nhiệm vụ được phân công theo đúng chức năng nhiệm vụ và bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã họp bàn rút kinh nghiệm, căn cứ vào tình hình thực tế để điều chỉnh phương pháp làm việc, bổ sung các nội dung cần lưu ý để thực hiện giám sát cho phù hợp. Tuy nhiên trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, hoạt động sản xuất kinh doanh còn tiềm ẩn nhiều rủi ro ngoài tầm kiểm soát thì công tác kiểm soát không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

Do hạn chế về vị trí địa lý và để tiết kiệm chi phí, ngoài các phiên họp tập trung chính thức, Trưởng ban Kiểm soát và các thành viên thường xuyên trao đổi thông tin, công việc bằng email và điện thoại.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng nghiệp vụ và các đơn vị thành viên để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ Công ty giao.

B. THẨM ĐỊNH CÁC BÁO CÁO CỦA CÔNG TY NĂM 2022

1/ Thẩm định báo cáo công tác quản lý, điều hành hoạt động Công ty của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

1.1/ Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT):

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên được Đại hội cổ đông bổ nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm, trong đó: Chủ tịch chuyên trách và 4 thành viên hoạt động kiêm nhiệm (không chuyên trách). Hội đồng quản trị Công ty đã quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của công ty theo Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội cổ đông Công ty. Các thành viên HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm, đưa ra các quyết định kịp thời để công ty hoạt động hiệu quả .

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ theo quy định theo hình thức mở rộng để các thành viên Ban điều hành, Ban kiểm soát, các bộ phận chuyên môn và các đơn vị thành viên trực thuộc tham gia. Ngoài ra trong năm 2022 Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ SXKD, tổ chức các cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua một số vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Hội đồng quản trị đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty để ban hành các Nghị quyết và Quyết định theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao.

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022.

1.2/ Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty có 04 thành viên trong đó 01 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế Biến Gỗ Đông Hòa, 01 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV TM& Địa Ốc Hồng Phúc. Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty theo đúng: Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty.

Kết quả tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 đạt lợi nhuận: 3,43 tỷ đồng đạt 80% kế hoạch năm (đạt 107% lợi nhuận hoạt động SXKD). Tập đoàn giao. Chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch 4,3 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận của hoạt động thoái vốn 1,086 tỷ đồng nhưng trong năm 2022 công ty không thể thực hiện công tác thoái vốn.

2/ Thẩm định báo cáo hoạt động SXKD và tài chính năm 2022

2.1/ Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh :

Thực hiện Văn bản số: 151/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 25/4/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc thỏa thuận kế hoạch năm 2022 của Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su. Ngay từ đầu năm Công ty đã sớm triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh với mục tiêu hoàn thành kế hoạch đã được Tập đoàn thỏa thuận. Trong năm 2022 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, nền kinh tế lạm phát... Tuy nhiên với sự nỗ lực hết mình của toàn thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2022.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của công ty năm 2022 như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2022	SỐ SÁNH TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.000đ	491.700.000	465.700.190	95%
2	Tổng chi phí	1.000đ	487.400.000	462.271.756	95%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	4.300.000	3.428.434	80%
	- Hoạt động SXKD	“	3.214.000	3.428.434	107%
	- Thoái vốn	“	1.086.000		
4	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	3.660.000	2.583.555	71 %
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	0,87	0,74	85%
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	4,29	3,42	80%

2.2/ Về đầu tư xây dựng và phát triển :

Trước tình hình kinh doanh còn khó khăn, đơn vị đã tiết giảm chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư các khoản mục cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2022, Công ty đã quyết toán tăng tài sản **4.210.882.454 đồng**, trong đó:

- Xây lắp : 268.000.000 đồng
- Thiết bị : 3.942.882.454 đồng

2.3/ Thảm định báo cáo tài chính:

2.3.1/ Đánh giá chung

- Báo cáo quyết toán năm 2022 của Công ty được lập theo đúng quy định ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

- Báo cáo Quyết toán 2022 đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS), kết quả kiểm toán được xác nhận theo Báo cáo kiểm toán số: 33/BCKT/TC/2023/AASCS ngày 16/2/2023.

2.3.2/ Một số chỉ tiêu cơ bản tại báo cáo tài chính hợp nhất:

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	408.566.785.946	458.185.242.598
2	Lợi nhuận trước thuế	3.463.704.718	3.428.433.537
3	Lợi nhuận sau thuế	2.449.284.275	2.583.555.097
4	Tổng tài sản	288.384.672.782	228.409.890.102
	- Tài sản ngắn hạn	237.687.801.515	177.349.859.270
	- Tài sản dài hạn	50.696.871.267	51.060.030.832
5	Tổng nguồn vốn	288.384.672.782	228.409.890.102
	- Nợ phải trả	154.482.525.039	91.924.187.262
	- Vốn chủ sở hữu	133.902.147.743	136.485.702.840
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	0,84%	0,74%
7	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL cuối kỳ	3,45%	3,42%
8	Hệ số bảo toàn vốn (VCSH/VĐT)	1,33	1,36
9	Khả năng thanh toán nợ đến hạn(TS NH/NNH)	1,69	2,27
10	Hệ số nợ phải trả (Tổng nợ/VCSH)	1,15	0,67

2.3.3/ Biến động về tài sản, nguồn vốn :

	01/01/2022	31/12/2022
TÀI SẢN		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	237.687.801.515	177.349.859.270
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	13.665.160.341	53.479.957.798

II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	53.137.545.208	29.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	70.876.846.519	38.446.705.880
IV. Hàng tồn kho	94.445.390.802	53.052.677.071
V. Tài sản ngắn hạn khác	5.562.858.645	2.870.518.521
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	50.696.871.267	51.060.030.832
I. Các khoản phải thu dài hạn	110.421.293	110.421.293
II. Tài sản cố định	40.389.166.147	40.908.712.239
III. Tài sản dở dang dài hạn	1.139.954.084	1.139.954.084
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	8.534.837.866	8.340.578.368
V. Tài sản dài hạn khác	522.491.877	560.364.848
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	288.384.672.782	228.409.890.102
NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	154.482.525.039	91.924.187.262
I. Nợ ngắn hạn	140.958.751.227	78.400.413.450
II. Nợ dài hạn	13.523.773.812	13.523.773.812
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	133.902.147.743	136.485.702.840
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.303.080.000	100.303.080.000
- Thặng dư vốn cổ phần	31.410.714.600	31.410.714.600
- Cổ phiếu quỹ	-2.833.000.000	-2.833.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	12.854.695.083	12.854.695.083
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-7.833.341.940	-5.249.786.843
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	288.384.672.782	228.409.890.102

2.3.4/ Các khoản đầu tư dài hạn (Đầu tư vào Công ty con và đơn vị khác):

Đến 31/12/2022 đã đầu tư vào Công ty con và các đơn vị khác :

Stt	Tên Công ty	Số tiền đầu tư	Đã trích dự phòng
A	Công ty con	43.000.000.000	
1	Cty TNHH MTV CBG Đông Hòa	23.000.000.000	
2	Cty TNHH MTV TM&Đ.Ốc Hồng Phúc	20.000.000.000	
B	Các đơn vị khác	11.908.100.000	3.567.521.632
1	Cty CP Đtr Xây dựng và XNK Cao su	1.500.000.000	1.116.653.096
2	Cty CPTM và dịch vụ du lịch Cao su	2.596.100.000	2.450.868.536
3	Cty CP đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh	6.312.000.000	
4	Cty CP phát triển đô thị và KCN Geruco	1.500.000.000	

2.3.5/ Một số vấn đề còn tồn tại trên báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2022:

a/Các khoản phải thu khách hàng quá hạn, khó đòi đã trích lập dự phòng:

STT	Khách hàng	Thời điểm 31/12/2022	Đã trích dự phòng
1	Cty CB XNK Thủy sản Đồng Tháp	8.956.471.270	8.956.471.270
2	Cty SX-XNK Lâm sản hàng tiêu thụ c.nghiệp	3.870.681.600	3.870.681.600
3	Cty TNHH SX TM DV Hữu Nghị	7.843.792.484	7.843.792.484
4	Cty TNHH Quốc tế Trường Thành	520.800.000	520.800.000
5	Cty CP Đầu tư Quốc tế Đại Sơn	300.000.000	300.000.000
6	Cơ sở Huệ Toàn	437.851.910	437.851.910
7	Công ty cổ phần Ngọc Hà	150.000.000	150.000.000
8	Cty TNHH Hưng Nhơn	1.181.370.000	1.181.370.000
9	Cty Habufa Meubelen B.V	561.060.414	561.060.414
10	A.T.O.M Food (Thailan) Co.Ltd	1.220.738.273	1.220.738.273
	Tổng Cộng	25.042.765.951	25.042.765.951

b/ Các khoản phải thu khác : 7.316.836.523 đồng

- Tài sản thiếu chờ xử lý **6.315.619.963 đồng**

(tương ứng khoản vay của ngân hàng Vietcombank : 10.293.188.528 đồng)

Đây là khoản vay vốn ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng MMTB thông qua chi nhánh Ngân hàng Ngoại Thương KCX Tân Thuận. Giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp và khoản vay này Chính phủ đã có văn bản số 4055/VPCP-QHQT ngày 23/07/2002 cho khoan lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

- **Phải thu cổ phần hóa trả chậm 109.558.493 đồng**

Công ty đã có văn bản gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Vụ quản lý chào bán chứng khoán cũng như nhờ công ty Luật tư vấn nhưng do số cổ phần này đã được cấp quyền sở hữu cho các cổ đông muốn giải quyết phải liên hệ làm việc với các cổ đông, tuy nhiên đến nay công ty không liên hệ được các cổ đông (đã đổi địa chỉ).

- Tòa án Nhân dân Quận 1 56.294.421 đồng

- Chi nhánh móng cái 40.000.000 đồng (đã trích dự phòng)

- Cty kiểm định XD & tư vấn ĐT Đông Á 50.000.000 đồng (đã trích dự phòng)

- Thuế GTGT đầu vào tại CN Hà Nội 745.363.646 đồng

c/ Giá trị sản phẩm dở dang :

- Chi phí dự án 4/35 Độc Lập 2.976.590.931 đồng (chưa thực hiện thanh quyết toán tương ứng với doanh thu nhận trước 3.230.585.284 đồng)

d/ Hàng gửi bán 34.865.443 đồng

Là sản phẩm bàn ghế gửi bán của Công ty đã lâu. Đến cuối ngày 31/12/2015 không có biên bản xác nhận của khách hàng. Đến 31/12/2022 đã trích dự phòng.

e/ Chi phí XDCB dở dang (Số dư TK 241) 1.139.954.084 đồng

- Chi phí dự án Trảng Bom 1.063.349.360 đồng

Dự án này được thỏa thuận hợp tác giữa 3 đơn vị:

- + Công ty CP CN & XNK Cao su: góp 40%
- + Công ty CP Địa ốc 7: (TK 338) góp 30%, đã góp: 300.000.000 đồng
- + Công ty CP Địa ốc 9:(TK 338) góp 30%, đã góp: 300.000.000 đồng

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc bàn giao toàn bộ dự án cho Công ty TNHH MTV Địa ốc cao su Đồng Nai. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa bàn giao dự án được do Công ty TNHH MTV Địa ốc cao su Đồng Nai đã có văn bản không tiếp nhận dự án. Lý do: dự án không phù hợp với quy hoạch mới của Tỉnh Đồng Nai và hồ sơ dự án không phù hợp theo quy trình và quy định mới.

- Chi phí XDCB dở danh khác	76.604.724 đồng
+ Chi phí giải tỏa XN Bình Điền	45.781.818 đồng
+ Chi phí đo đạc khu Nam Sài Gòn	30.822.906 đồng

3/ Ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát:

- Đề án tái cơ cấu: Tháng 6/2022 Công ty đã gửi đề án tái cơ cấu và đang chờ ý kiến chỉ đạo của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.
- Năm 2022 Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của HĐQT đã đưa hầu hết các công nợ quá hạn không có khả năng thu hồi ra tòa khởi kiện; tiếp tục công tác thu hồi nợ đối với các công nợ có khả năng thu hồi (Cty CP CB&XNK thủy sản Đồng Tháp, Cơ sở Huệ Toàn, Hưng Nhơn), định kỳ báo cáo cho HĐQT.
- Điều chỉnh, bổ sung Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV.
- Soát xét lại hệ thống văn bản quản lý nội bộ và cập nhật cho phù hợp với quy định hiện hành.
- Tiếp tục giải quyết các vấn đề còn tồn tại (Mục 2.3.5-B).

C. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

1/ Kiểm tra giám sát thường xuyên đối với các hoạt động:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Công ty, pháp luật Nhà nước; Tình hình thực hiện và tuân thủ các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam có liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Giám sát việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty.
- Thực hiện các công việc khác của BKS theo quy định hiện hành.

2/ Kiểm tra giám sát theo chuyên đề: Lao động tiền lương, an toàn vệ sinh lao động, chi phí, công nợ.

3/ Các hoạt động giám sát định kỳ:

✦ Quý 1/2023

- Lập báo cáo hoạt động năm 2022 và chương trình công tác năm 2023 của Ban kiểm soát Công ty báo cáo Ban kiểm soát Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam..



- Kết hợp với Công ty kiểm toán thẩm định báo cáo tài chính năm 2022.
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2022 ; báo cáo đánh giá công tác quản lý năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trình các báo cáo này lên Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Lập báo cáo hoạt động năm 2022 và chương trình công tác năm 2023 của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Triển khai kế hoạch công tác năm 2023 của Ban kiểm soát.

✚ Quý 2/2023

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý 2/2023. Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.
- Giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn.
- Kiểm tra báo cáo tài chính quý 1/2023.

✚ Quý 3/2023

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý 3/2023. Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.
- Giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn.
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng năm 2023

✚ Quý 4/2023

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý 4/2023. Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.
- Giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn.
- Kiểm tra báo cáo tài chính quý 3 năm 2023

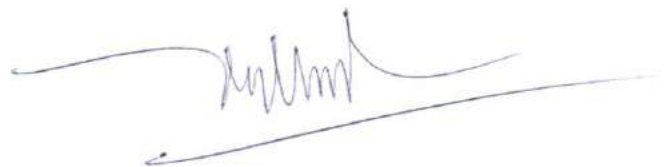
Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ
- HĐQT Tập đoàn;
- BKS Tập đoàn;
- HĐQT Công ty;
- Lưu BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN THỊ NGỌC HIỆP

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH 2022 KẾT THÚC VÀO NGÀY 31/12/2022
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT
NHẬP KHẨU CAO SU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2022

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 42



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su tiền thân là Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (S. đăng kí kinh doanh 102451 do Trọng tài kinh tế cấp ngày 18 tháng 03 năm 1993). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh cổ phần lần đầu số 4103003436 ngày 28 tháng 05 năm 2005, đăng kí thay đổi bổ sung lần thứ 11 ngày 11 tháng 01 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là:

100.303.080.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 64 Trương Định, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Danh sách các đơn vị trực thuộc

Tên	Địa chỉ
+ Văn phòng Công ty	64 Trương Định - P.VTS - Quận 3- Tp. Hồ Chí Minh
+ Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp	Đường số 3, KCN Biên hòa 1, Đồng Nai
+ Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Kho Vận	Số 2A/2 Trần Hưng Đạo, Dĩ An, Bình Dương
+ Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Tam Phước	Lô 43 đường số 7 KCN Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su. Gia công, sản xuất, mua bán giày thể thao xuất khẩu. Mua bán cao su và sản phẩm cao su (giày dép, bao bì) sản phẩm đồ mộc, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ cao su do công ty sản xuất, máy móc thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm từ cao su của công ty, vật tư thiết bị phục vụ cho trồng trọt và chế biến cao su, nông sản, máy móc phương tiện vận tải, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật liệu xây dựng, vật tư cho luyện kim. Kinh doanh nhà. Cho thuê kho bãi, văn phòng. Mua bán nguyên vật liệu gỗ, sản phẩm đồ mộc và hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ. Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng. Kinh doanh bất động sản. Trồng, khai thác và chế biến cây cao su, và cây trồng rừng khác (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Cho thuê máy móc, thiết bị công nghiệp.

4. Cấu trúc các công ty con

- Tổng số các công ty con:	2
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất:	2
+ Số lượng Công ty không hợp nhất:	0

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
+ Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc	50 - 52 Võ Văn Tần, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa	502A Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống nhất 1, P.Dĩ An, TP. Dĩ An, Bình Dương	100%	100%

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Phan Đình Phúc	Chủ tịch
Ông:	Giang Hoa Vũ	Thành viên
Ông:	Lê Tuấn Linh	Thành viên
Ông:	Đoàn Kim Tài	Thành viên
Ông:	Phan Trọng Quỳnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Giang Hoa Vũ	Tổng Giám đốc
Ông:	Trần Công Hải	P.Tổng Giám đốc
Ông:	Bùi Văn Dũng	P.Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Tuấn Linh	P.Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà:	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	Trưởng ban
Bà:	Phạm Thị Thu Hương	Thành viên
Ông:	Nguyễn Trọng Hùng	Thành viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Giang Hoa Vũ

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Bảo Châu

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2023



Số : 3.3./BCKT/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su được lập ngày 10 tháng 01 năm 2023, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần lưu ý

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các khoản công nợ phải thu đã trích lập dự phòng như đã trình bày tại Thuyết minh V.06, đến ngày 31/12/2022 các khoản công nợ này vẫn chưa được thu hồi. Ban Tổng Giám đốc công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục để thu hồi các khoản công nợ nói trên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)



Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Tuyết

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0624-2023-142-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tân

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4318-2023-142-1

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		177.349.859.270	237.687.801.515
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	53.479.957.798	13.665.160.341
111	1. Tiền		47.479.957.798	13.665.160.341
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	29.500.000.000	53.137.545.208
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		29.500.000.000	53.137.545.208
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		38.446.705.880	70.876.846.519
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	53.605.671.584	57.321.605.641
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.322.773.875	29.520.334.471
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	1.335.406.409	1.620.682.395
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.06	(25.132.765.951)	(23.901.395.951)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.05	6.315.619.963	6.315.619.963
140	IV. Hàng tồn kho	V.07	53.052.677.071	94.445.390.802
141	1. Hàng tồn kho		53.087.542.514	94.445.390.802
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(34.865.443)	
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.870.518.521	5.562.858.645
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.11		44.791.665
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.296.685.979	4.951.353.526
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	573.832.542	566.713.454
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		51.060.030.832	50.696.871.267
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		110.421.293	110.421.293
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	110.421.293	110.421.293
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		40.908.712.239	40.389.166.147
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	35.384.230.812	34.622.358.518
222	- Nguyên giá		81.934.129.793	78.547.068.132
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(46.549.898.981)	(43.924.709.614)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	5.524.481.427	5.766.807.629
228	- Nguyên giá		10.403.200.016	10.403.200.016
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.878.718.589)	(4.636.392.387)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.08	1.139.954.084	1.139.954.084
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.139.954.084	1.139.954.084
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	8.340.578.368	8.534.837.866
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.908.100.000	11.908.100.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(3.567.521.632)	(3.373.262.134)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	V. Tài sản dài hạn khác		560.364.848	522.491.877
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	560.364.848	522.491.877
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		228.409.890.102	288.384.672.782

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		91.924.187.262	154.482.525.039
310	I. Nợ ngắn hạn		78.400.413.450	140.958.751.227
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	19.651.681.710	36.117.979.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		32.771.971.376	53.933.936.120
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	644.246.328	721.386.145
314	4. Phải trả người lao động		7.958.464.342	10.337.912.090
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		220.000.000	53.646.822
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	7.867.422.031	7.900.379.74
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	9.266.301.177	31.746.025.520
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		20.326.486	147.485.789
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		13.523.773.812	13.523.773.812
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.16	3.230.585.284	3.230.585.284
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	10.293.188.528	10.293.188.528
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.17	136.485.702.840	133.902.147.743
410	I. Vốn chủ sở hữu		136.485.702.840	133.902.147.743
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.303.080.000	100.303.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.303.080.000	100.303.080.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		31.410.714.600	31.410.714.600
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(2.833.000.000)	(2.833.000.000)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		12.854.695.083	12.854.695.083
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(5.249.786.843)	(7.833.341.940)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(7.833.341.940)	(10.282.626.215)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.583.555.097	2.449.284.275
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>228.409.890.102</u>	<u>288.384.672.782</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu



PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng



NGUYỄN BẢO CHÂU

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



GIANG HOA VŨ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	458.185.242.598	408.566.785.946
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		458.185.242.598	408.566.785.946
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	423.104.538.217	377.508.252.366
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.080.704.381	31.058.533.580
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	6.033.627.303	4.141.638.835
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	5.659.773.487	1.569.655.230
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.694.290.308	700.550.013
25	8. Chi phí bán hàng	VI.05	6.928.260.340	6.285.610.788
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	25.675.879.174	23.882.860.358
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.850.418.683	3.462.046.039
31	11. Thu nhập khác	VI.06	1.481.319.743	1.256.987.181
32	12. Chi phí khác	VI.07	903.304.889	1.255.328.502
40	13. Lợi nhuận khác		578.014.854	1.658.679
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.428.433.537	3.463.704.718
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.08	844.878.440	1.014.420.443
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.583.555.097	2.449.284.275
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		2.583.555.097	2.449.284.275
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát			
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		261	247
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		261	247

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu



PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng



NGUYỄN BẢO CHÂU

Phay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



GIANG HOA VŨ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		483.617.935.522	421.107.382.514
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(363.580.247.164)	(367.599.042.888)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(50.224.701.257)	(53.584.740.485)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.694.290.308)	(479.463.632)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(851.553.715)	(736.871.064)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.838.595.112	22.854.592.799
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(51.186.545.885)	(36.747.966.983)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		36.919.192.305	(15.186.109.739)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.834.505.300)	(2.236.921.538)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			339.966.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(125.900.000.000)	(176.100.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		150.508.039.300	143.050.860.800
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.314.953.609	2.120.316.894
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		25.088.487.609	(32.825.777.842)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
33	3. Tiền thu từ đi vay		145.933.417.541	138.608.199.048
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(168.413.141.884)	(110.854.544.997)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(22.479.724.343)	27.753.654.051
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		39.527.955.571	(20.258.233.530)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		13.665.160.341	33.958.314.070
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		286.841.886	(34.920.199)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		53.479.957.798	13.665.160.341

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẢO CHÂU



Phạm Văn Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

GIANG HOA VŨ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su tiền thân là Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (Số đăng ký kinh doanh 102451 do Trọng tài kinh tế cấp ngày 18 tháng 03 năm 1993). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cổ phần lần đầu số 4103003436 ngày 28 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 11 ngày 11 tháng 01 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: **100.303.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 64 Trương Định, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su. Gia công, sản xuất, mua bán giày thể thao xuất khẩu. Mua bán cao su và sản phẩm cao su (giày dép, bao bì) sản phẩm đồ mộc, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ cao su do công ty sản xuất, máy móc thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm từ cao su của công ty, vật tư thiết bị phục vụ cho trồng trọt và chế biến cao su, nông sản, máy móc phương tiện vận tải, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật liệu xây dựng, vật tư cho luyện kim. Kinh doanh nhà. Cho thuê kho bãi, văn phòng. Mua bán nguyên vật liệu gỗ, sản phẩm đồ mộc và hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ. Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng. Kinh doanh bất động sản. Trồng, khai thác và chế biến cây cao su, và cây trồng rừng khác (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Cho thuê máy móc, thiết bị công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có

6. Cấu trúc các Công ty con

- Tổng số các Công ty con :2
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất :2
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

- Thông tin về tái cấu trúc: trong kỳ, Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý, thoái vốn tại các công ty con

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc	50 - 52 Võ Văn Tần, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đông Hòa	502A Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống nhất 1, P.Dĩ An, TP. Dĩ An, Bình Dương	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

- Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con trong năm tài chính: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

ÔNG T
TNHH
VU TU
INH KẾ
KIỂM T
HIA KA
P.HC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

b. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 08 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài chi phí bằng tiền khác...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

501
CÔNG
TY
CH VI
CHÍNH
KIỂM
PHI
- T.F

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con vì cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn, cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	610.722.696	491.960.392
Tiền gửi không kỳ hạn	46.869.235.102	13.173.199.949
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	
Cộng	53.479.957.798	13.665.160.341

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

b1) Ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

b2) Dài hạn

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn	29.500.000.000	29.500.000.000	53.137.545.208	53.137.545.208
- Tiền gửi có kỳ hạn	29.500.000.000	29.500.000.000	53.137.545.208	53.137.545.208
b2) Dài hạn				
Cộng	29.500.000.000	29.500.000.000	53.137.545.208	53.137.545.208

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào đơn vị khác (*)

+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Cao su

+ Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Du lịch Cao su

+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh

+ Công ty CP Phát triển Đầu tư và Khu công nghiệp Geruco

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá hợp lý / Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý / Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác (*)	11.908.100.000	(3.567.521.632)	11.908.100.000	(3.373.262.134)
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Cao su	1.500.000.000	(1.116.653.096)	1.500.000.000	(945.410.015)
+ Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Du lịch Cao su	2.596.100.000	(2.450.868.536)	2.596.100.000	(2.427.852.119)
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	6.312.000.000		6.312.000.000	
+ Công ty CP Phát triển Đầu tư và Khu công nghiệp Geruco	1.500.000.000		1.500.000.000	
Cộng	11.908.100.000	(3.567.521.632)	11.908.100.000	(3.373.262.134)

Ghi chú: (*)

Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 202/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	53.605.671.584	57.321.605.641
+ CN Công ty CB & XNK Thủy sản Đồng Tháp - Nhà máy Việt Đan	8.956.471.270	8.956.471.270
+ Công ty CP SX-XNK Lâm sản và hàng tiêu thụ Công nghiệp	3.870.681.600	3.870.681.600
+ Công ty TNHH SX TM DV Hữu Nghị	7.843.792.484	7.843.792.484
+ Công ty TNHH Huy Thái Bảo	5.221.197.438	1.242.118.179
+ Công ty CP SX & TM Nhựa Việt Thành	4.899.086.865	6.371.724.982
+ Công ty Proliving	12.904.420	585.199.478
+ Habufa Meubelen B.V	561.060.414	561.060.414
+ TOV Furniture	2.357.550.810	
+ Công ty Hưng Nhơn	1.181.370.000	1.181.370.000
+ VIVIN IMPORTS PTY LTD	1.268.742.433	
+ Công ty TNHH SX-KD-TM-DV Thiên Phát	8.134.226.960	8.134.226.960
+ Công ty TNHH MTV Liên Khanh	6.963.957.600	
+ Đối tượng khác	2.334.629.290	14.050.177.462
b) Dài hạn		
Cộng	53.605.671.584	57.321.605.641

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Không có

04 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.335.406.409	40.000.000	1.620.682.395	40.000.000
Tạm ứng	236.960.445		469.273.000	
Phải thu khác	1.098.445.964	40.000.000	1.151.409.395	40.000.000
+ Khác	1.098.445.964	40.000.000	1.151.409.395	40.000.000
b) Dài hạn	110.421.293		110.421.293	
Phải thu về cổ phần hóa	110.421.293		110.421.293	
Cộng	1.445.827.702	40.000.000	1.731.103.688	40.000.000

05 . TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiền				
Tài sản khác (*)		6.315.619.963		6.315.619.963
Cộng		6.315.619.963		6.315.619.963

Ghi chú:(*) Đây là giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản chờ xử lý khi cổ phần hóa doanh nghiệp có nguồn gốc được hình thành từ nguồn vốn vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc, thiết bị thông qua Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Khu chế xuất Tân Thuận. Giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp và khoản vay này Chính phủ đã có Văn bản số 4055/VOCP/QHQT ngày 23/7/2002 cho khoanh lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

06. NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.132.765.951	25.132.765.951	23.901.395.951	23.901.395.951
+ Cty CP CB và XNK Thủy sản Đồng Tháp	8.956.471.270	8.956.471.270	8.956.471.270	8.956.471.270
+ Công ty CP SX – XNK Lâm sản và hàng tiêu thụ Công nghiệp (UPEXIM)	3.870.681.600	3.870.681.600	3.870.681.600	3.870.681.600
+ Cty TNHH SXTMDV Hữu Nghị	7.843.792.484	7.843.792.484	7.843.792.484	7.843.792.484
+ Đối tượng khác	4.461.820.597	4.461.820.597	3.230.450.597	3.230.450.597
- Phải thu cho vay				
Cộng	25.132.765.951	25.132.765.951	23.901.395.951	23.901.395.951

2. Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu: Không có

07. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.992.949.454		7.843.886.695	
- Công cụ, dụng cụ	5.144.000		100.241.635	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.242.543.921		52.570.563.824	
- Thành phẩm	5.181.127.603		22.399.491.166	
- Hàng hóa	3.630.912.093		11.496.342.039	
- Hàng gửi đi bán	34.865.443		34.865.443	
Cộng	53.087.542.514		94.445.390.802	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

08. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản	1.139.954.084	1.139.954.084
+ Dự án Trảng Bom	1.063.349.360	1.063.349.360
+ Chi phí giải tỏa XN Bình Điền	45.781.818	45.781.818
+ Chi phí đo đạc khu Nam Sài Gòn	30.822.906	30.822.906
Cộng	1.139.954.084	1.139.954.084

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

09 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	47.230.047.776	22.394.686.161	5.617.790.724	3.304.543.471	78.547.068.132
2. Số tăng trong năm	268.000.000	1.681.995.482	1.406.703.182	854.183.790	4.210.882.454
- Mua trong năm		1.681.995.482	1.406.703.182	854.183.790	3.942.882.454
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	268.000.000				268.000.000
3. Số giảm trong năm		(823.820.793)			(823.820.793)
- Thanh lý, nhượng bán		(823.820.793)			(823.820.793)
4. Số dư cuối năm	47.498.047.776	23.252.860.850	7.024.493.906	4.158.727.261	81.934.129.793
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	22.884.641.427	14.353.220.821	5.193.644.684	1.493.202.682	43.924.709.614
2. Khấu hao trong năm	1.741.048.428	1.139.211.115	476.476.275	92.274.342	3.449.010.160
- Khấu hao trong năm	1.741.048.428	1.139.211.115	476.476.275	92.274.342	3.449.010.160
- Tăng khác					
3. Giảm trong năm					(823.820.793)
- Thanh lý, nhượng bán		(823.820.793)			(823.820.793)
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm	24.625.689.855	15.492.431.936	5.670.120.959	1.585.477.024	46.549.898.981
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	24.345.406.349	8.041.465.340	424.146.040	1.811.340.789	34.622.358.518
2. Tại ngày cuối năm	22.872.357.921	7.760.428.914	1.354.372.947	2.573.250.237	35.384.230.812

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19,127,980,748 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	8.600.000.000				1.803.200.016	10.403.200.016
2. Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	8.600.000.000				1.803.200.016	10.403.200.016
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	3.325.736.821				1.310.655.566	4.636.392.387
2. Khấu hao trong năm	177.608.696				64.717.506	242.326.202
- Khấu hao trong năm	177.608.696				64.717.506	242.326.202
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	3.503.345.517				1.375.373.072	4.878.718.589
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	5.274.263.179				492.544.450	5.766.807.629
2. Tại ngày cuối năm	5.096.654.483				427.826.944	5.524.481.427

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 196,598,187 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		44.791.665
Các khoản khác		44.791.665
b) Dài hạn	560.364.848	522.491.877
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	79.995.973	36.778.929
Các khoản khác	480.368.875	485.712.948
c) Lợi thế thương mại		
Cộng	560.364.848	567.283.542

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND	9.266.301.177	9.266.301.177	85.040.794.161	76.562.686.214	788.193.230	788.193.230
- Ngân hàng Vietbank			9.731.686.214	9.731.686.214		
- Ngân hàng BIDV - CN Thống nhất	9.266.301.177	9.266.301.177	75.309.107.947	66.831.000.000	788.193.230	788.193.230
Vay ngắn hạn - USD			60.892.623.380	91.850.455.670	30.957.832.290	30.957.832.290
- Ngân hàng Vietbank			60.892.623.380	91.850.455.670	30.957.832.290	30.957.832.290
Cộng	9.266.301.177	9.266.301.177	145.933.417.541	168.413.141.884	31.746.025.520	31.746.025.520

b) Vay dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm						
Trên 5 năm (*)	10.293.188.528	10.293.188.528			10.293.188.528	10.293.188.528
Cộng	10.293.188.528	10.293.188.528			10.293.188.528	10.293.188.528

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

(*) Khoản vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc, thiết bị thông qua Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Khu chế xuất Tân Thuận. Khoản vay này Chính phủ đã có Văn bản số 4055/VOCP/QHQT ngày 23/7/2002 cho khoanh lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: Không có

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	19.651.681.710	19.651.681.710	36.117.979.000	36.117.979.000
+ Công ty cổ phần gỗ cao su Thiên Hưng	3.525.940.000	3.525.940.000	3.525.940.000	3.525.940.000
+ DNTN Lê Nguyễn Hoàng Châu			296.746.428	296.746.428
+ Công ty TNHH Triển Đạt Long An	955.486.917	955.486.917		
+ Công ty TNHH Kỹ nghệ Sơn Mộc	839.872.118	839.872.118	373.912.275	373.912.275
+ Công ty TNHH Đức Tài Việt	1.023.766.150	1.023.766.150	333.081.100	333.081.100
+ Công ty TNHH SX và TM Hòa Hào	419.990.104	419.990.104		
+ Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang			1.270.819.014	1.270.819.014
+ Công ty TNHH Thanh Sơn 1			9.748.649.200	9.748.649.200
+ Phải trả cho các đối tượng khác	12.886.626.421	12.886.626.421	20.568.830.983	20.568.830.983
b) Dài hạn				
Cộng	19.651.681.710	19.651.681.710	36.117.979.000	36.117.979.000

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	326.403.585	544.878.440	844.878.440	851.553.715	326.403.585	551.553.715
Thuế thu nhập cá nhân	10.599.032	3.513.657	103.381.115	115.248.303	3.479.944	8.261.757
Thuế GTGT		95.854.231	3.864.842.123	3.930.558.565		161.570.673
Thuế xuất, nhập khẩu	236.829.925				236.829.925	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			40.727.070	40.727.070		
Cộng	573.832.542	644.246.328	4.853.828.748	4.938.087.653	566.713.454	721.386.145

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a) Ngắn hạn	7.867.422.031	7.900.379.741
Kinh phí công đoàn	126.182.474	155.121.581
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.007.456.250	3.007.456.250
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.139.009.720	1.139.009.720
Phải trả về lãi vay ODA	1.471.290.929	1.471.290.929
Phải trả tiền thực hiện dự án Trảng Bom	600.000.000	600.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.523.482.658	1.527.501.261
b) Dài hạn		
Cộng	7.867.422.031	7.900.379.741

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a) Ngắn hạn		
b) Dài hạn	3.230.585.284	3.230.585.284
Doanh thu nhận trước - Dự án 4/35 Độc Lập	3.230.585.284	3.230.585.284
Cộng	3.230.585.284	3.230.585.284

c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

17. 1. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.303.080.000	31.410.714.600	(2.833.000.000)	12.854.695.083	(10.282.626.215)		131.452.863.468
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước					2.449.284.275		2.449.284.275
Lỗ trong năm trước							
Chia cổ tức							
Thù lao hội đồng quản trị							
Giảm khác							
Số dư đầu năm nay	100.303.080.000	31.410.714.600	(2.833.000.000)	12.854.695.083	(7.833.341.940)		133.902.147.743
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay					2.583.555.097		2.583.555.097
Tăng do trích từ lợi nhuận							
Lỗ trong năm nay							
Chia cổ tức							
Thù lao hội đồng quản trị							
Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	100.303.080.000	31.410.714.600	(2.833.000.000)	12.854.695.083	(5.249.786.843)		136.485.702.840

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

17. 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của công ty mẹ	69.333.330.000	69,12%	69.333.330.000	69,12%
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	69.333.330.000	69,12%	69.333.330.000	69,12%
Vốn góp của các đối tượng khác	30.969.750.000	30,88%	30.969.750.000	30,88%
Cộng	100.303.080.000	100,00%	100.303.080.000	100,00%

17. 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	100.303.080.000	100.303.080.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	100.303.080.000	100.303.080.000

17. 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.030.308	10.030.308
- Cổ phiếu phổ thông	9.990.708	9.990.708
- Cổ phiếu ưu đãi	39.600	39.600
Số lượng cổ phiếu được mua lại	126.600	126.600
- Cổ phiếu phổ thông	126.600	126.600
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.903.708	9.903.708
- Cổ phiếu phổ thông	9.864.108	9.864.108
- Cổ phiếu ưu đãi	39.600	39.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

17. 5. Các quỹ:	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	12.854.695.083	12.854.695.083

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài:

b) Tài sản nhận giữ hộ:

c) Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	28.035,25	27.678,41
- Bảng Anh (EUR)	779,69	779,69

d) Vàng tiền tệ

đ) Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	VND	Nguyên tệ	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
+ Công ty Thành Phương	280.505.995		14/09/2010	Bỏ trốn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	429.713.853.605	386.604.568.429
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.471.388.993	21.962.217.517
Cộng	458.185.242.598	408.566.785.946

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Không có

02. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	406.921.241.243	357.160.716.893
Giá vốn cung cấp dịch vụ	16.183.296.974	20.347.535.473
Cộng	423.104.538.217	377.508.252.366

03. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.894.671.156	3.242.278.596
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.738.956.147	603.808.670
Chiết khấu thanh toán	400.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia		295.551.569
Cộng	6.033.627.303	4.141.638.835

04. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.694.290.308	700.550.013
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.771.223.681	584.698.813
Chi phí tài chính khác: (dự phòng đầu tư vào đơn vị khác)	194.259.498	284.406.404
Cộng	5.659.773.487	1.569.655.230

05. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

05.1. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	390.448.000	889.791.853
Chi phí bảo hành	592.696.874	
Các khoản chi phí bán hàng khác	5.945.115.466	5.395.818.935
Cộng	6.928.260.340	6.285.610.788

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
05 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nguyên, vật liệu	263.403.811	121.677.235
Chi phí công cụ, dụng cụ	52.627.564	41.864.582
Chi phí nhân viên	17.553.593.328	17.046.310.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.932.163.353	2.647.245.708
Thuế, phí, lệ phí	345.082.763	317.842.583
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		
Các khoản chi phí QLDN khác	3.529.008.355	3.707.919.568
Cộng	25.675.879.174	23.882.860.358

06 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ,CCDC	227.272.727	470.100.000
Bán phế liệu	157.200.000	
Các khoản khác	1.096.847.016	786.887.181
Cộng	1.481.319.743	1.256.987.181

07 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		468.443.280
Chi phí bán phế liệu	157.200.000	
Các khoản khác	746.104.889	786.885.222
Cộng	903.304.889	1.255.328.502

08 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	844.878.440	1.001.473.286
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		12.947.157
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	844.878.440	1.014.420.443

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	144.504.926.941	138.608.199.048

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	(180.164.918.584)	(110.854.544.997)

- Mua và thanh lý công ty con trong kỳ báo cáo: Không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03. Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm nay	Năm trước
Thù lao HĐQT và BKS			93.000.000
- Giang Hoa Vũ	TV HĐQT		9.000.000
- Lê Tuấn Linh	TV HĐQT		9.000.000
- Phan Trọng Quỳnh	TV HĐQT		15.000.000
- Đoàn Kim Tài	TV HĐQT		15.000.000
- Phạm Thị Thu Hường	TV BKS		22.500.000
- Nguyễn Trọng Hùng	TV BKS		22.500.000
Tiền lương		1.260.000.000	1.260.000.000
- Phan Đình Phúc	Chủ tịch HĐQT	288.000.000	288.000.000
- Giang Hoa Vũ	Tổng Giám đốc	276.000.000	276.000.000
- Trần Công Hải	Phó Tổng Giám đốc	240.000.000	240.000.000
- Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	TBKS	228.000.000	228.000.000
- Nguyễn Bảo Châu	Kế toán trưởng	228.000.000	228.000.000

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Không phát sinh			

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Phải thu

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam			
	- Phải thu về cổ phần hóa	110.421.293	110.421.293

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Khu vực địa lý

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2022	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	458.185.242.598		458.185.242.598
Các khoản giảm trừ doanh thu			
Chi phí bộ phận	455.708.677.731		455.708.677.731
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.476.564.867		2.476.564.867
Doanh thu hoạt động tài chính	6.033.627.303		6.033.627.303
Chi phí tài chính	5.659.773.487		5.659.773.487
Thu nhập khác	1.481.319.743		1.481.319.743
Chi phí khác	903.304.889		903.304.889
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	844.878.440		844.878.440
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.583.555.097		2.583.555.097

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2021	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	408.566.785.946		408.566.785.946
Các khoản giảm trừ doanh thu			33.015.202
Chi phí bộ phận	407.676.723.512		407.676.723.512
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	890.062.434		890.062.434
Doanh thu hoạt động tài chính	4.141.638.835		4.141.638.835
Chi phí tài chính	1.569.655.230		1.569.655.230
Thu nhập khác	1.256.987.181		1.256.987.181
Chi phí khác	1.255.328.502		1.255.328.502
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.014.420.443		1.014.420.443
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.449.284.275		2.449.284.275

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Báo cáo tóm tắt các chỉ tiêu tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	228.409.890.102		228.409.890.102
Tài sản không phân bổ			
Tổng tài sản	228.409.890.102		228.409.890.102
Nợ phải trả bộ phận	91.924.187.262		91.924.187.262
Nợ phải trả không phân bổ			
Tổng nợ phải trả	91.924.187.262		91.924.187.262
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	288.384.672.782		288.384.672.782
Tài sản không phân bổ			
Tổng tài sản	288.384.672.782		288.384.672.782
Nợ phải trả bộ phận	154.482.525.039		154.482.525.039
Nợ phải trả không phân bổ			
Tổng nợ phải trả	154.482.525.039		154.482.525.039

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất chế biến sản phẩm từ cây cao su, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.479.957.798		13.665.160.341		53.479.957.798	13.665.160.341
Phải thu khách hàng	53.605.671.584	(25.092.765.951)	57.321.605.641	(23.861.395.951)	28.512.905.633	33.460.209.690
Trả trước cho người bán	2.322.773.875		29.520.334.471		2.322.773.875	29.520.334.471
Các khoản phải thu khác	1.445.827.702	(40.000.000)	1.731.103.688	(40.000.000)	1.405.827.702	1.691.103.688
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.500.000.000		53.137.545.208		29.500.000.000	53.137.545.208
Đầu tư tài chính dài hạn	11.908.100.000	(3.567.521.632)	11.908.100.000	(3.373.262.134)	8.340.578.368	8.534.837.866
Cộng	110.854.230.959	(28.700.287.583)	102.238.204.141	(27.274.658.085)	85.721.465.008	78.336.808.190
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	19.651.681.710		36.117.979.000		19.651.681.710	36.117.979.000
Người mua trả tiền trước	32.771.971.376				32.771.971.376	
Vay và nợ	19.559.489.705		42.039.214.048		19.559.489.705	42.039.214.048
Phải trả người lao động	7.958.464.342		10.337.912.090		7.958.464.342	10.337.912.090
Cổ phiếu chuyển đổi						
Các khoản phải trả khác	7.867.422.031		7.900.379.741		7.867.422.031	7.900.379.741
Cộng	87.809.029.164		96.395.484.879		87.809.029.164	96.395.484.879

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối kỳ. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại cuối niên độ kế toán cuối kỳ do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	19.651.681.710			19.651.681.710
Người mua trả tiền trước	32.771.971.376			32.771.971.376
Vay và nợ	9.266.301.177		10.293.188.528	19.559.489.705
Chi phí phải trả	220.000.000			
Các khoản phải trả phải nộp khác	7.867.422.031			7.867.422.031
Cộng	69.777.376.294		10.293.188.528	79.850.564.822

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác:

Công ty đã sử dụng các tiền gửi kỳ hạn, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	7.500.000.000	

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẢO CHÂU

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



GIANG HOA VŨ

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
& QUY CHẾ BẦU CỬ**

**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**

Thành phố, Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp và xuất nhập khẩu Cao su được đại hội thống nhất thông qua ngày 20/3/2021;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su được tiến hành theo những quy định sau:

Điều 1. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham gia dự Đại hội.

1. Cổ đông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại đại hội. Người được ủy quyền tới dự đại hội phải xuất trình Giấy ủy quyền theo quy định.
3. Cổ đông khi nhận được thư mời dự đại hội phải phản hồi cho Ban tổ chức để chốt danh sách và sắp xếp dự họp.
4. Khi tiến hành đăng ký dự họp, Cổ đông sẽ được nhận các phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử trên đó có ghi họ và tên của cổ đông, mã số cổ đông và số phiếu được quyền biểu quyết của cổ đông đó.
5. Cổ đông đến dự Đại hội trễ sau khi cuộc họp khai mạc phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội.
6. Cổ đông đến dự Đại hội phải nghiêm túc chấp hành nội quy, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Đoàn Chủ tịch Đại hội.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội.

1. Ban tổ chức Đại hội có trách nhiệm triệu tập, đón tiếp, bố trí chỗ ngồi, phát tài liệu, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử cho những cổ đông hoặc đại diện cổ đông được ủy quyền có đủ tư cách tham dự Đại hội.
2. Ban tổ chức tiếp nhận giấy tờ do người đến tham dự Đại hội xuất trình, kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông dự Đại hội.
3. Ban tổ chức có quyền từ chối cung cấp tài liệu Đại hội khi cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban bầu cử và kiểm phiếu.

1. Ban Bầu cử và kiểm phiếu do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua tại Đại hội và không phải là người có tên trong danh sách đề cử hay ứng cử vào Ban Kiểm soát.

10/03/2023

2. Ban bầu cử và kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Chuẩn bị quy chế bầu cử, hướng dẫn bầu cử, chuẩn bị hòm phiếu, danh sách các ứng viên để bầu cử.

b. Hướng dẫn các cổ đông bầu cử tại Đại hội: phát phiếu bầu cử cho các cổ đông, hướng dẫn trình tự bỏ phiếu, giám sát việc bỏ phiếu bầu. Tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội, giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cử đó cho Thư ký Đại hội.

c. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự đại hội đối với từng vấn đề thảo luận tại Đại hội. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Đoàn chủ tịch và Thư ký đại hội

3. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Tổ kiểm phiếu tiến hành một cách trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội.

1. Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT, Đoàn thư ký Đại hội do Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

3. Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội thành công tốt đẹp.

5. Đoàn thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo yêu cầu của Đoàn chủ tịch Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 5. Điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Đại hội sẽ lần lượt được tiến hành theo nội dung chương trình của Đại hội.

3. Việc thảo luận sẽ được thực hiện sau khi tất cả các báo cáo và tờ trình được đọc và báo cáo tại Đại hội.

4. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo nguyên tắc, thể lệ biểu quyết theo điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Nguyên tắc biểu quyết.

1. Đúng điều lệ, đúng luật và chính xác.

2. Nghị quyết về các nội dung được thông qua tại đại hội đảm bảo tỷ lệ cổ đông dự họp biểu quyết tán thành theo quy định tại điều lệ công ty, pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

4. Những vấn đề biểu quyết trực tiếp tại Đại hội thì Ban tổ chức sẽ xin biểu quyết trực tiếp tại Đại hội theo quy định của Luật doanh nghiệp: Các cổ đông giờ thì biểu quyết theo thứ tự tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Điều 7. Nguyên tắc phát biểu tại Đại hội.

Cổ đông muốn đề xuất một yêu cầu nào đó tại Đại hội phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội.
2. Phải giơ tay xin ý kiến Chủ tọa và chỉ được phát biểu sau khi được Chủ tọa cho phép. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu (trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời thứ tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình).
3. Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của cổ đông nếu thấy cần thiết.
4. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp thứ tự sau đó.
5. Các đề xuất của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - Ngắn gọn và rõ ràng. Trường hợp ý kiến đề xuất phức tạp, cần nhiều thời gian để trình bày thì cổ đông có thể gửi bằng văn bản đến Ban tổ chức 02 ngày trước kỳ diễn ra Đại hội.
 - Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước.
 - Không đề xuất các vấn đề thuộc quyền hạn của HĐQT.
 - Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

Điều 8. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản, các vấn đề biểu quyết thông qua trước Đại hội phải được đưa vào Nghị quyết. Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Đình Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2023

**QUY CHẾ BẦU CỬ
BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU
Nhiệm kỳ 2020 – 2025**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su được đại hội thống nhất thông qua ngày 20/3/2021;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su tiến hành bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo các quy định sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng bầu cử

1. Nguyên tắc bầu cử:

Việc bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su được thực hiện theo nguyên tắc:

- Bầu cử công khai, trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín.
- Việc bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

2. Đối tượng có quyền bầu cử:

Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông đăng ký tham dự và có mặt tại đại hội.

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2020-2025:

1. Số lượng thành viên:

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát được bầu bổ sung là 01 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát:

Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn làm thành viên Ban Kiểm soát:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020.
- Không thuộc các đối tượng theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

Điều 3. Đối tượng được quyền đề cử ứng cử thành viên Ban Kiểm soát:

Ứng viên Ban Kiểm soát sẽ do HĐQT đương nhiệm đề cử và được Đại hội thống nhất thông qua.

Điều 4. Phương thức và cách thức bầu cử:

1. Phương thức bầu cử:

Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó:

- Mỗi cổ đông có tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần (bao gồm cổ phần sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu thành viên Ban Kiểm soát.

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số quyền biểu quyết cho một số ứng cử viên.

- Tổng số quyền biểu quyết cho các ứng viên không được vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu hoặc được ủy quyền.

2. Cách thức bầu cử:

Thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín. Cổ đông tự ghi số cổ phần được quyền biểu quyết cho mỗi ứng viên được chọn trong tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của mình. Kết quả kiểm phiếu được ghi vào Biên bản kiểm phiếu.

Điều 5. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu do Ban tổ chức phát hành, được in thống nhất, có họ tên, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và đại diện, số cổ phần được quyền biểu quyết, có đóng dấu của Công ty ở góc phía trên bên trái.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu theo mã số cổ đông.

- Cổ đông phải tự mình ghi số cổ phần được quyền biểu quyết vào phiếu bầu cho ứng viên được chọn. Phiếu bầu được ghi tối đa bằng số cổ phần được quyền biểu quyết hoặc một phần số cổ phần được quyền biểu quyết.

- Phiếu bầu không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung. Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác và hủy phiếu bầu cũ.

Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu của Công ty, hoặc viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng viên đã được Đại hội thông qua.

- Bỏ phiếu trắng hoặc đánh dấu X vào ô số cổ phần bầu.

- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu hoặc được ủy quyền.

Điều 6. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc kiểm phiếu:

1. Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội thông qua.

- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Ban Kiểm soát.

2. Nguyên tắc kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

- Kiểm phiếu phải được tiến hành ngay tại cuộc họp sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và công bố tại Đại hội.

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử:

Theo quy định tại khoản 3 điều 148 Luật doanh nghiệp 2020. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty (Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc điều lệ công ty).

Điều 8. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố tại Đại hội.

Điều 9. Khiếu nại và xử lý khiếu nại:

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu chỉ được xem xét ngay tại Đại hội và được ghi vào biên bản Đại hội.

Điều 10. Hiệu lực của Quy chế:

Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su nhiệm kỳ 2020 – 2025 gồm có 10 điều có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua trước khi bầu cử và chỉ được áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Phan Đình Phúc

